

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, dưới sự nghiệp kinh tế quốc tế nhất là khi Việt Nam gia nhập WTO, đã mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức trong việc phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý kinh tế của doanh nghiệp là cần phải năng động và sáng tạo hơn sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh. Do đó hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh là rất quan trọng vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới có thể biết được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có đạt được kết quả hay không và lời lỗ thế nào, từ đó định hướng phát triển trong tương lai.

Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc quản lý doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã chọn nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải”.

**Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu khoá luận gồm 3 chương:**

*Chương 1: Những cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.*

**Chương 2:** Thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

**Chương 3:** Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Mặc dù em đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình cô giáo - **Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương** cũng như các cô chú, anh chị trong phòng kế toán, em đã nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Xí nghiệp. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót.

Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

**Nguyễn Thùy Dương**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ ĐẦY ĐỦ
<b>HĐKD</b>	Hoạt động kinh doanh
<b>CCDV</b>	Cung cấp dịch vụ
<b>DT</b>	Doanh thu
<b>GVHB</b>	Giá vốn hàng bán
<b>DTHĐTC</b>	Doanh thu hoạt động tài chính
<b>CPBH</b>	Chi phí bán hàng
<b>CPQLDN</b>	Chi phí quản lý doanh nghiệp
<b>CKTM</b>	Chiết khấu thương mại
<b>XK</b>	Xuất khẩu
<b>TP</b>	Thành phẩm
<b>HH</b>	Hàng hoá
<b>BHXH</b>	Bảo hiểm xã hội
<b>BHYT</b>	Bảo hiểm y tế
<b>KPCĐ</b>	Kinh phí công đoàn
<b>TSCĐ</b>	Tài sản cố định
<b>NSNN</b>	Ngân sách Nhà nước
<b>K/c</b>	Kết chuyển
<b>CL</b>	Chênh lệch

<b>TN</b>	Thu nhập
<b>CB - CNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>BH</b>	Bảo hiểm
<b>TKV</b>	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
<b>DN</b>	Doanh nghiệp
<b>SXKD</b>	Sản xuất kinh doanh
<b>NVL</b>	Nguyên vật liệu
<b>BHLĐ</b>	Bảo hộ lao động
<b>CCDC</b>	Công cụ dụng cụ
<b>CPSX</b>	Chi phí sản xuất
<b>TK</b>	Tài khoản
<b>PS</b>	Phát sinh
<b>TKĐƯ'</b>	Tài khoản đối ứng
<b>CT</b>	Chứng từ
<b>HTK</b>	Hàng tồn kho
<b>NH</b>	Ngân hàng
<b>HĐ</b>	Hợp đồng
<b>LVDT</b>	Lãi vay đầu tư
<b>LVCB</b>	Lãi vay cán bộ - công nhân viên
<b>GTCL</b>	Giá trị còn lại
<b>DCTSCDLLD</b>	Điều chỉnh tài sản cố định liên doanh



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Các chứng từ kế toán, sổ sách, mẫu biểu năm 2009 tại Phòng tài chính kế toán Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, 2006.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, Bộ Tài chính, Nhà xuất bản thống kê, 2009
4. Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính.
5. Thông tư số 120/2003/TT-BTC (12/12/2003) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP (10/12/2003) của Chính phủ.
6. Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 của Bộ tài chính.
7. Hệ thống chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, lưu hành nội bộ - năm 2007.

**CHƯƠNG 1:**

**NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH**

**1.1 Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

***1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

❖ *Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.*

Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số tiền ghi trên hoá đơn bán hàng hay hợp đồng bán hàng.

- Doanh thu thuần: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ và bị khách hàng từ chối thanh toán.

- Chiết khấu thanh toán: là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

❖ *Chi phí của doanh nghiệp.*

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và

đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp.

❖ *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.*

Kết quả hoạt động kinh doanh: là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ)} \\ \text{từ HĐKD} \\ \text{thông} \\ \text{thường} \end{array} = \text{DT thuần về} \\ \text{BH và CCDV} - \text{GVHB} + \frac{\text{DT}}{\text{HĐTC}} - \text{CPTC} - \begin{array}{l} \text{CPBH \&} \\ \text{CPQLDN} \\ \text{tính cho hàng} \\ \text{tiêu thụ trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ hoạt động bất thường không thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác:

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

*Trong đó:*

+ Thu nhập khác: là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác: là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế TNDN.

### ***1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản



thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

- Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

### ***1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Để phát huy được vai trò của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nhiệm vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp. kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần...)

- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ khi hàng hoá phát hiện, xử lý kịp thời hàng hoá ứ đọng.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hoá.

- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

#### ***1.1.4 Nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần tôn trọng một số quy định sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ": chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt là đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hoá chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế XK.

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công chế biến nhận được không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước được Nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được Nhà nước trợ cấp trợ giá.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật,...người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản như tài khoản “Chiết khấu thương mại”, tài khoản “Hàng bán bị trả lại” và tài khoản “Giảm giá hàng bán”.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua mới hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Không hạch toán vào TK 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán).

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### ***1.1.5 Điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp.***

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các qui định trong chuẩn mực kế toán số 14: "Doanh thu và thu nhập khác" và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm hàng hoá khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng CĐKT.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá,...nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

## **1.2 Nội dung cơ bản của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

### **1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1.2.1.1 Các phương thức bán hàng.**

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Tùy thuộc vào đặc điểm sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ mà doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương thức bán hàng sau:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Bán hàng trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hoá vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán hàng khối lượng lớn, được tiến hành theo hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hoá và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng từ kho chuyển đi cho người mua theo hợp đồng. Chi phí vận chuyển do hai bên thỏa thuận. Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi: là phương thức bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

- Phương thức bán hàng trả góp: theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định theo quy định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

#### *1.2.1.2 Các phương thanh toán.*

- Thanh toán bằng tiền mặt: theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được một số tiền mặt tương ứng với số hàng hoá mà mình đã bán.

- Thanh toán không dùng tiền mặt: theo phương thức này, người mua có thể thanh toán bằng séc, trái phiếu, cổ phiếu các loại tài sản có giá trị tương đương.

#### *1.2.1.3 Chứng từ sử dụng.*

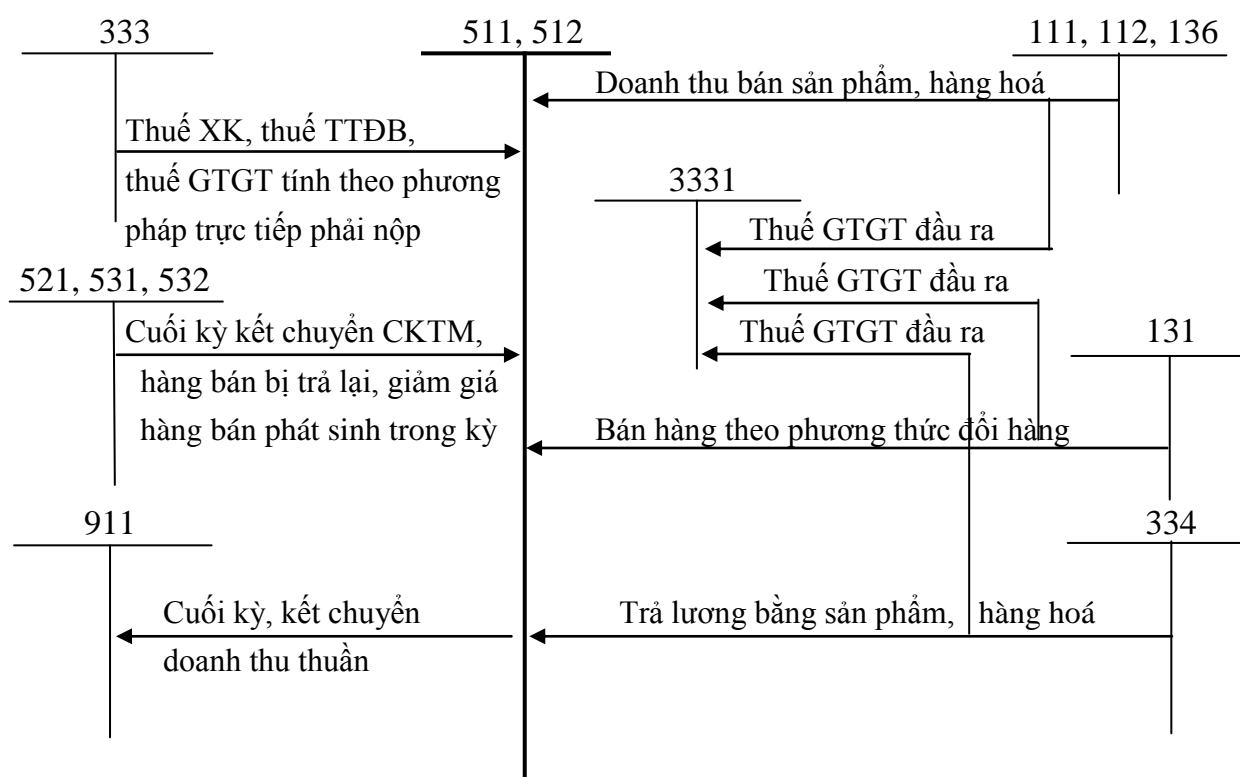
- Hoá đơn bán hàng (Mẫu 02GTGT-3LL)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT-3LL)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (Mẫu số 02-BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 01-BH)
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 02-BH)
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...
- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hoá đơn vận chuyển,...

**1.2.1.4 Tài khoản sử dụng:**

- TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. TK 511 có 4 TK cấp 2:
  - 5111: Doanh thu bán hàng hoá
  - 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
  - 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
  - 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 512- Doanh thu bán hàng nội bộ. TK 512 có 3 TK cấp 2:
  - TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá
  - TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm
  - TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

**1.2.1.5 Trình tự hạch toán: (Sơ đồ 1.1)**

**Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

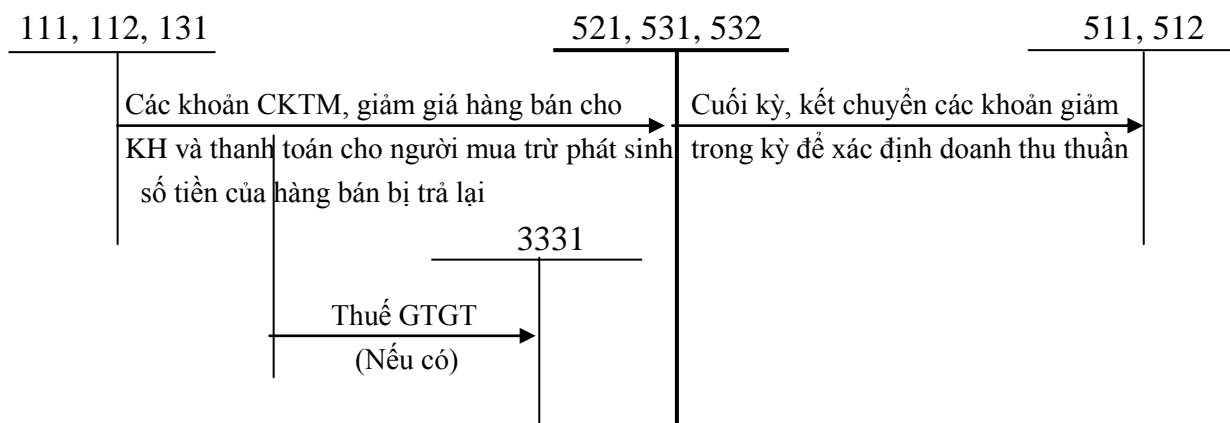


**1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

- Tài khoản sử dụng.
  - TK 521: Chiết khấu thương mại.
  - TK 531: Hàng bán bị trả lại.
  - TK 532: Giảm giá hàng bán.

- Trình tự hạch toán:

**Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



**1.2.3 Kế toán giá vốn hàng xuất bán.**

❖ *Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán.*

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với đơn giá khác nhau, vì vậy việc lựa chọn việc tính giá thực tế hàng tồn kho sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Để tính giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Trị giá thực tế hàng i xuất kho} = \text{Lượng thực tế hàng i xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân của hàng i}$$

*Trong đó:* Giá đơn vị bình quân của hàng i có thể tính theo các cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ (phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ).

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng i} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$$

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn).

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập j}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau nhập j}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FiFo).

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.



Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước (LiFo).

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất kho (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất loại hàng nào tính theo giá đích danh của hàng đó.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

❖ *Kế toán giá vốn hàng xuất bán.*

- *Chứng từ sử dụng:*

Tuỳ theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 P XK-3LL)
- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý (Mẫu 04 HDL-3LL)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT-3LL)
- Các chứng từ khác có liên quan.

- Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, kế toán sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán

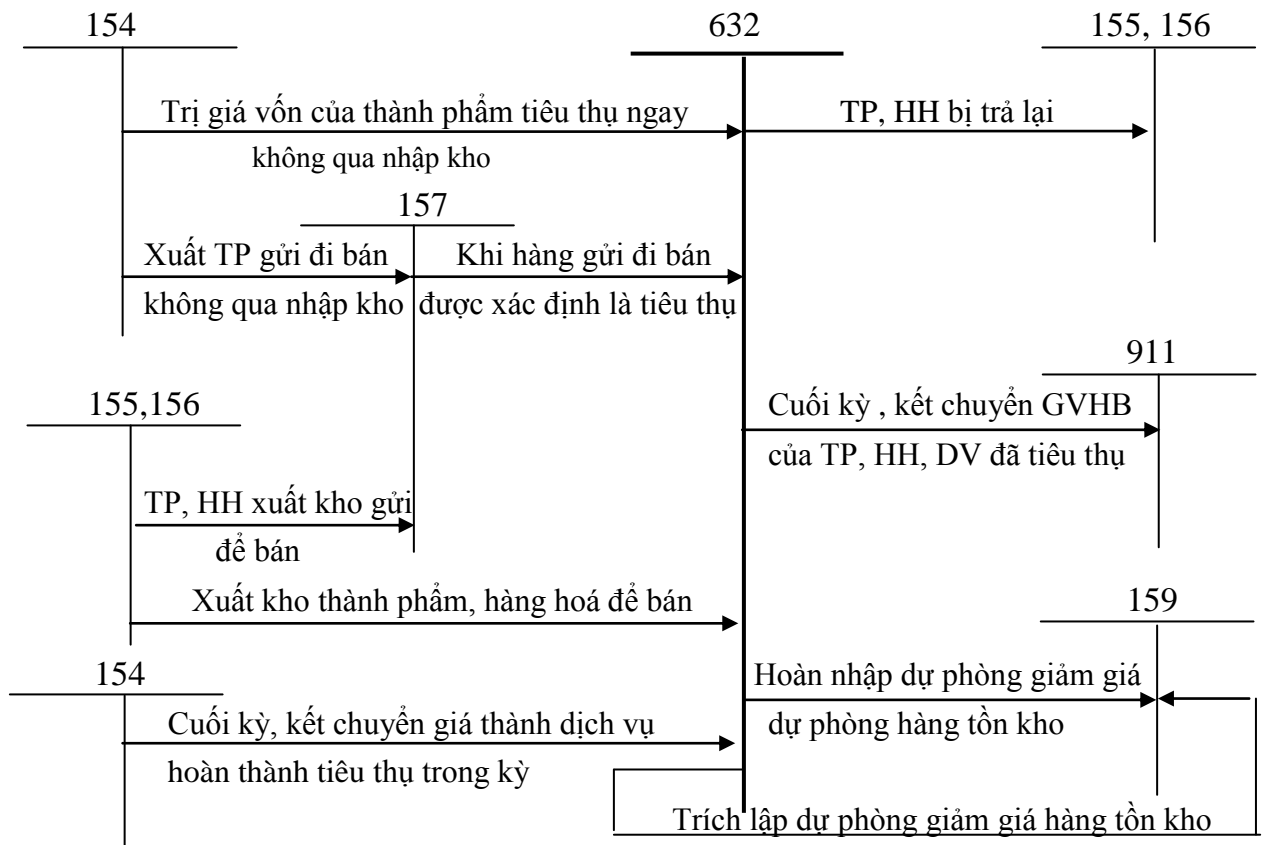
- Trình tự hạch toán: (Sơ đồ 1.3, Sơ đồ 1.4)

**1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

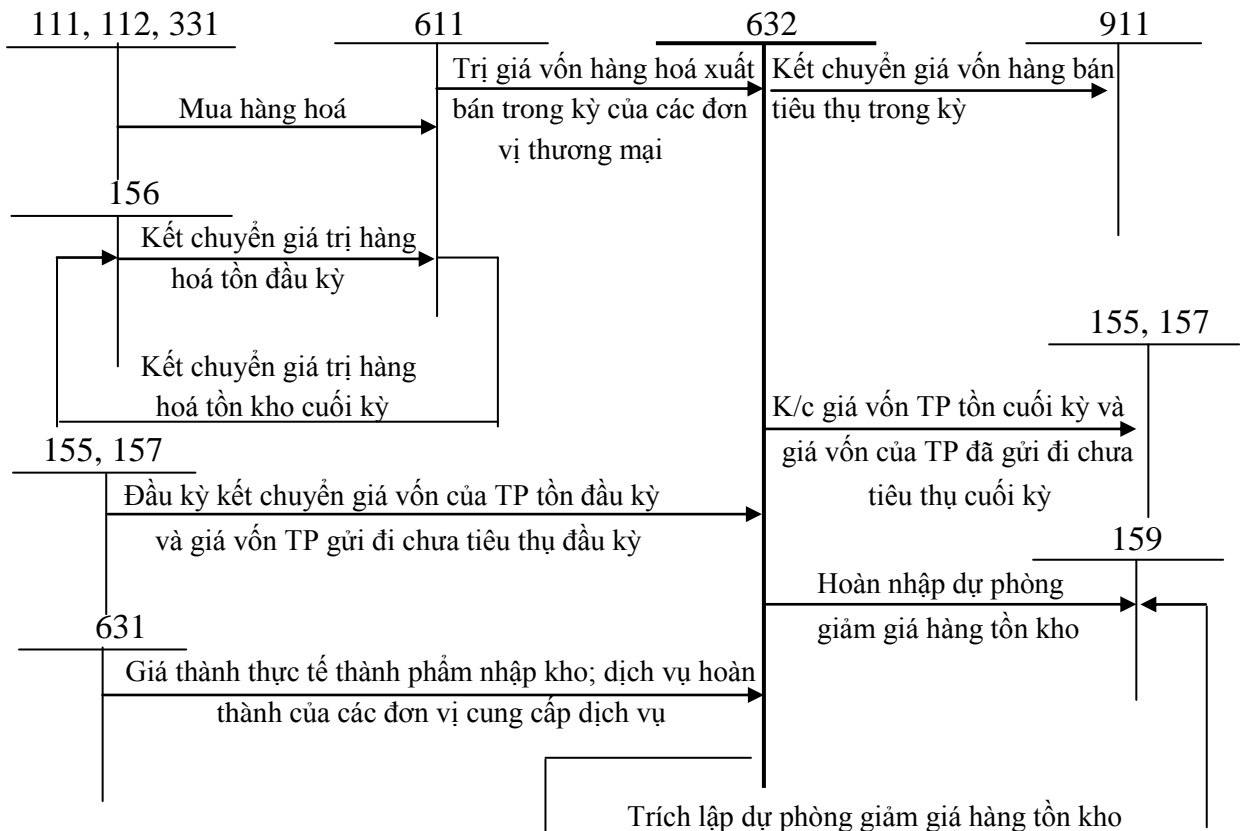
❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT-3LL)
- Phiếu chi (Mẫu 02-TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng.

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



**❖ Tài khoản sử dụng:**

- TK 641: Chi phí bán hàng. TK 641 có 8 tài khoản cấp 2:
  - + TK 6411: Chi phí nhân viên
  - + TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
  - + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
  - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
  - + TK 6415: Chi phí bảo hành
  - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2:
  - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
  - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
  - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
  - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
  - + TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
  - + TK 6426: Chi phí dự phòng
  - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

**❖ Trình tự hạch toán: (Sơ đồ 1.5)****1.2.5 Kế toán hoạt động tài chính.**

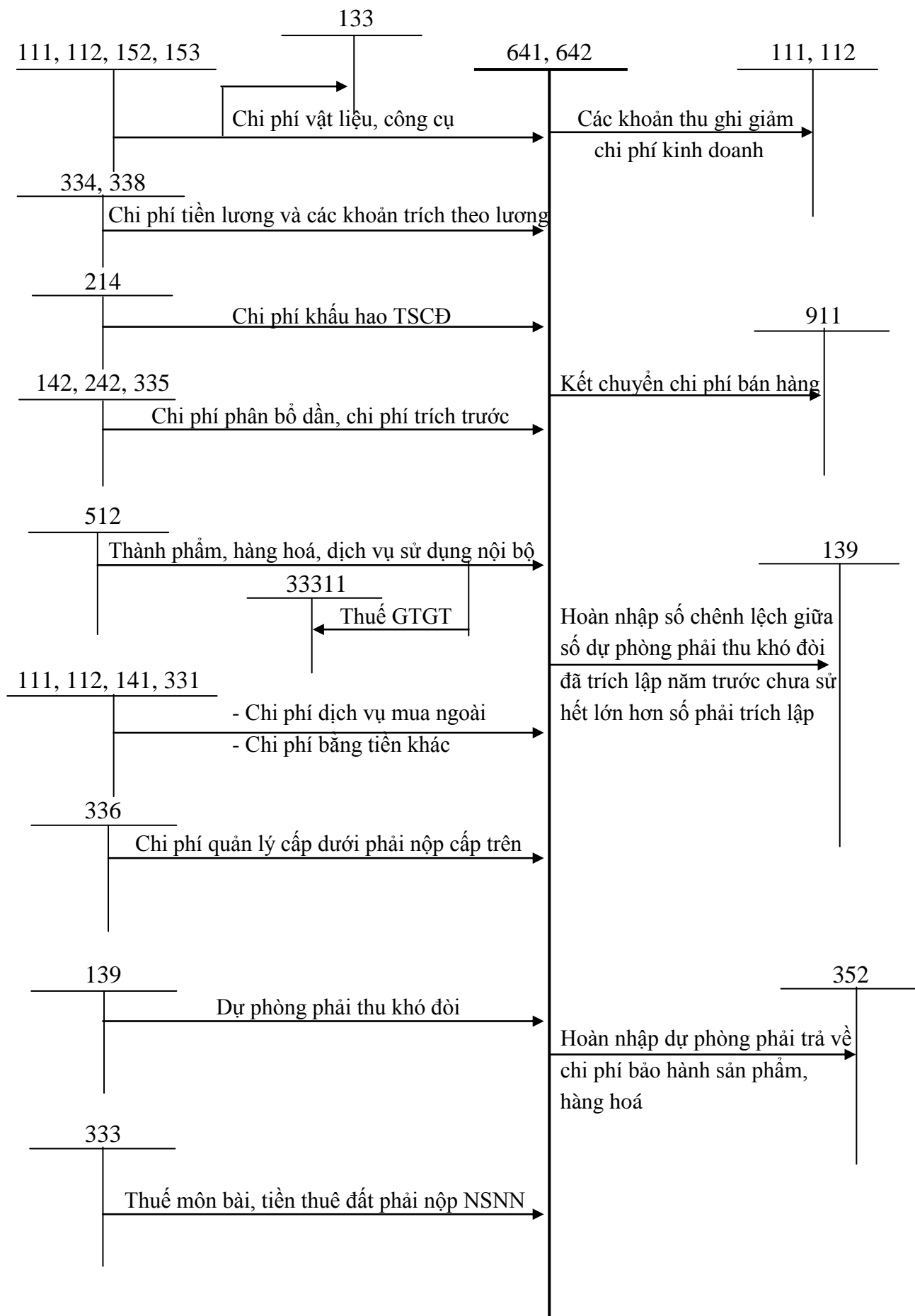
Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - Giấy báo có của ngân hàng
  - Giấy báo nợ của ngân hàng
  - Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
  - Phiếu chi (Mẫu 02-TT)
  - Các hợp đồng vay vốnCác chứng từ liên quan khác...
- ❖ Tài khoản sử dụng:
  - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
  - TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- ❖ Trình tự hạch toán: (Sơ đồ 1.6)

### **1.2.6 Kế toán hoạt động khác.**

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ..

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

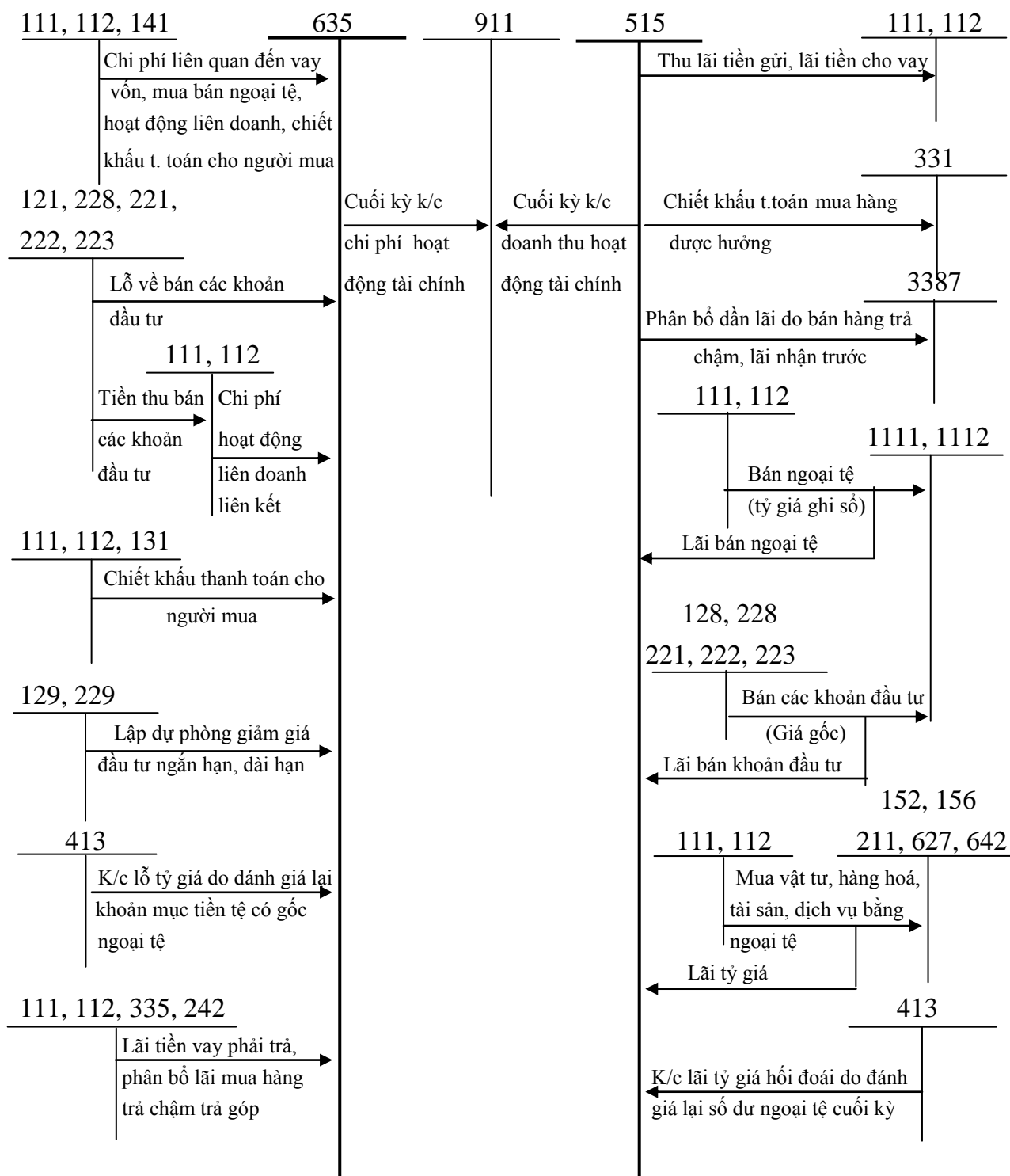
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

- ❖ *Chứng từ sử dụng:*
  - Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT-3LL)
  - Các chứng từ thanh toán
  - Chứng từ liên quan khác.
- ❖ *Tài khoản sử dụng:*
  - TK 711 “Thu nhập khác”.

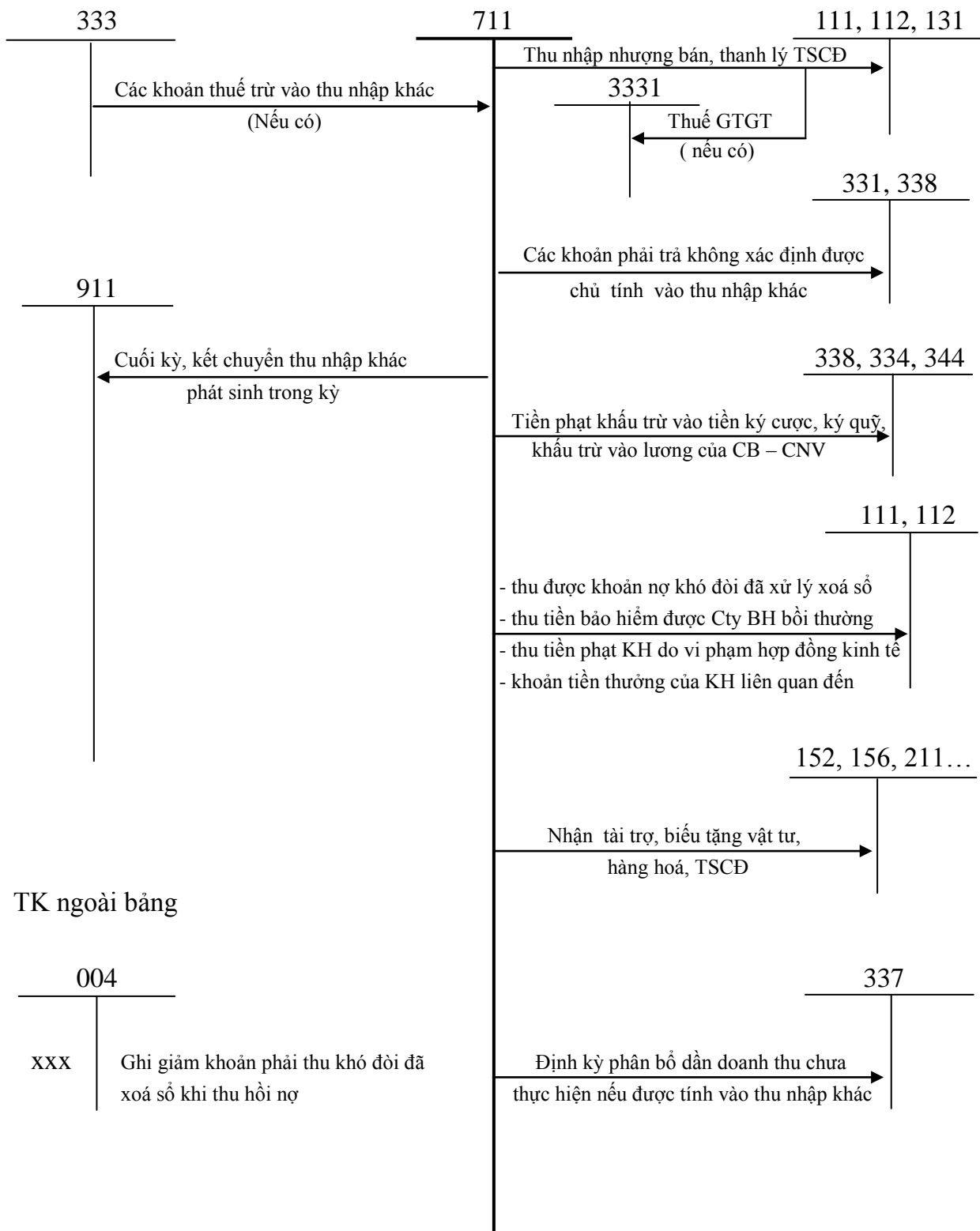
- TK 811 “Chi phí khác”
- TK 821 “Chi phí thuế TNDN”. TK 821 có 2 TK cấp 2:
  - + TK 8211 “Chi phí thuế TNDN hiện hành”
  - + TK 8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”.

*Trình tự hạch toán: (Sơ đồ 1.7)*

**Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính các nghiệp vụ chủ yếu**

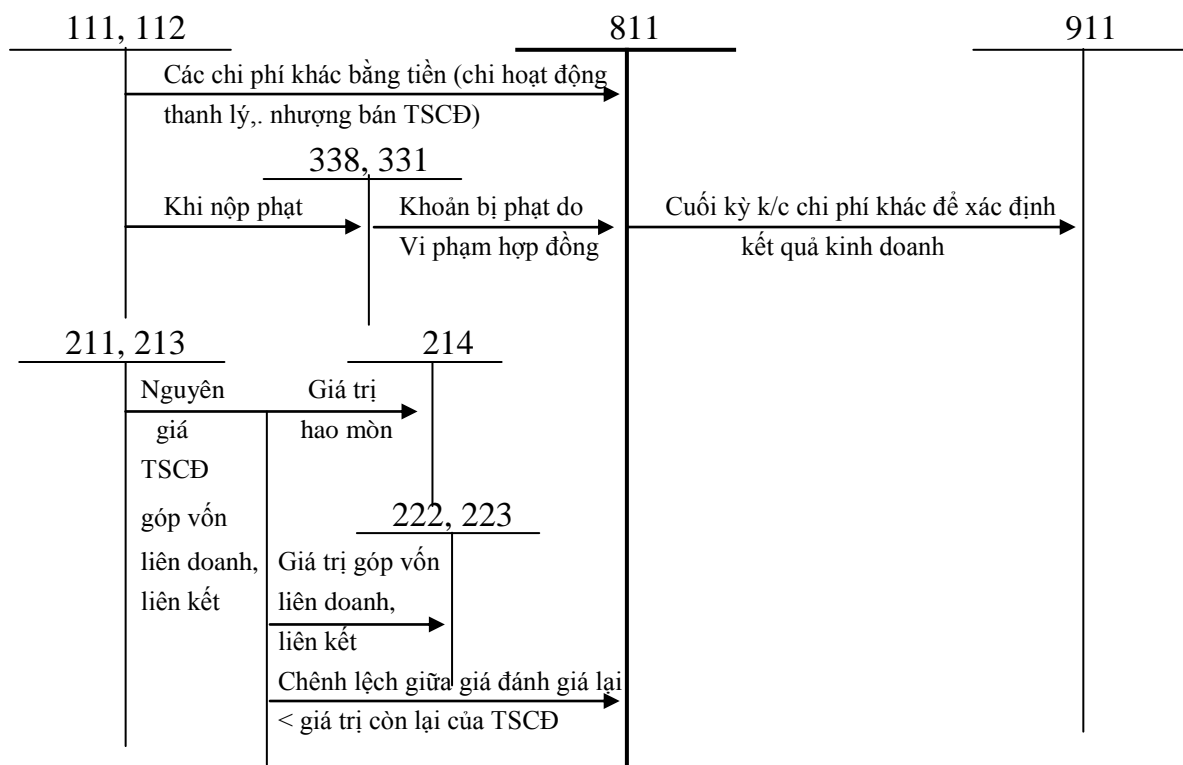


**Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác**

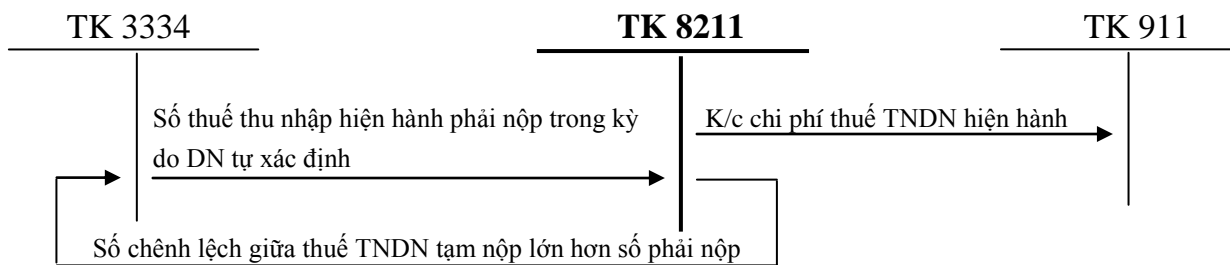


(Nguồn: Hệ thống kế toán Việt Nam: Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2)

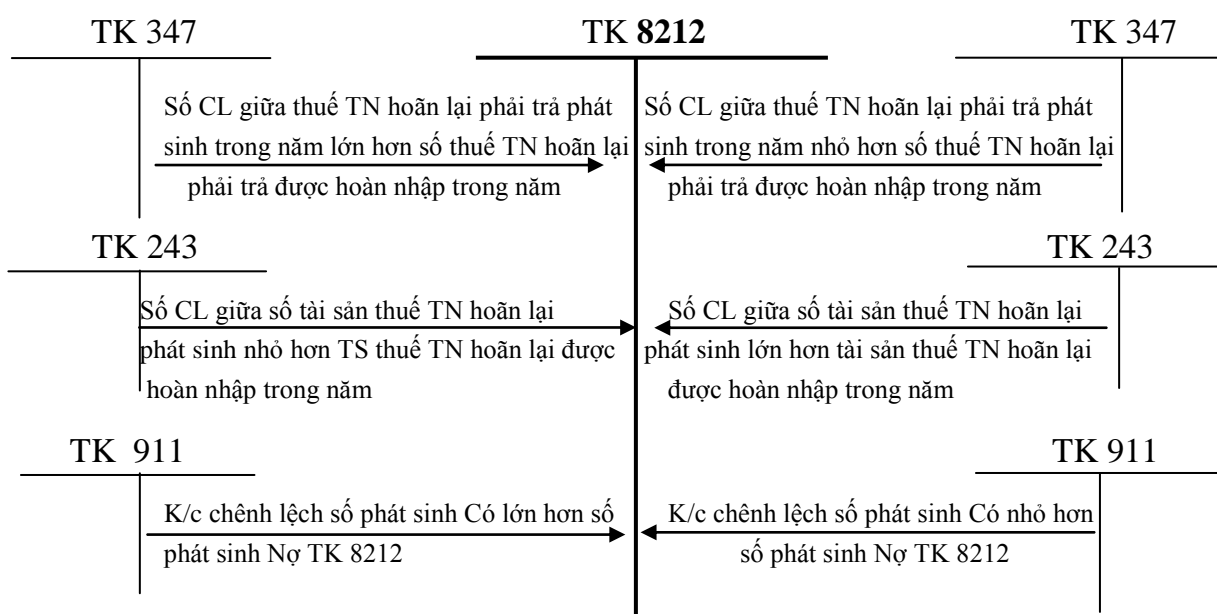
**Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác**



**Sơ đồ 1.9a: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**Sơ đồ 1.9b: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**





**1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

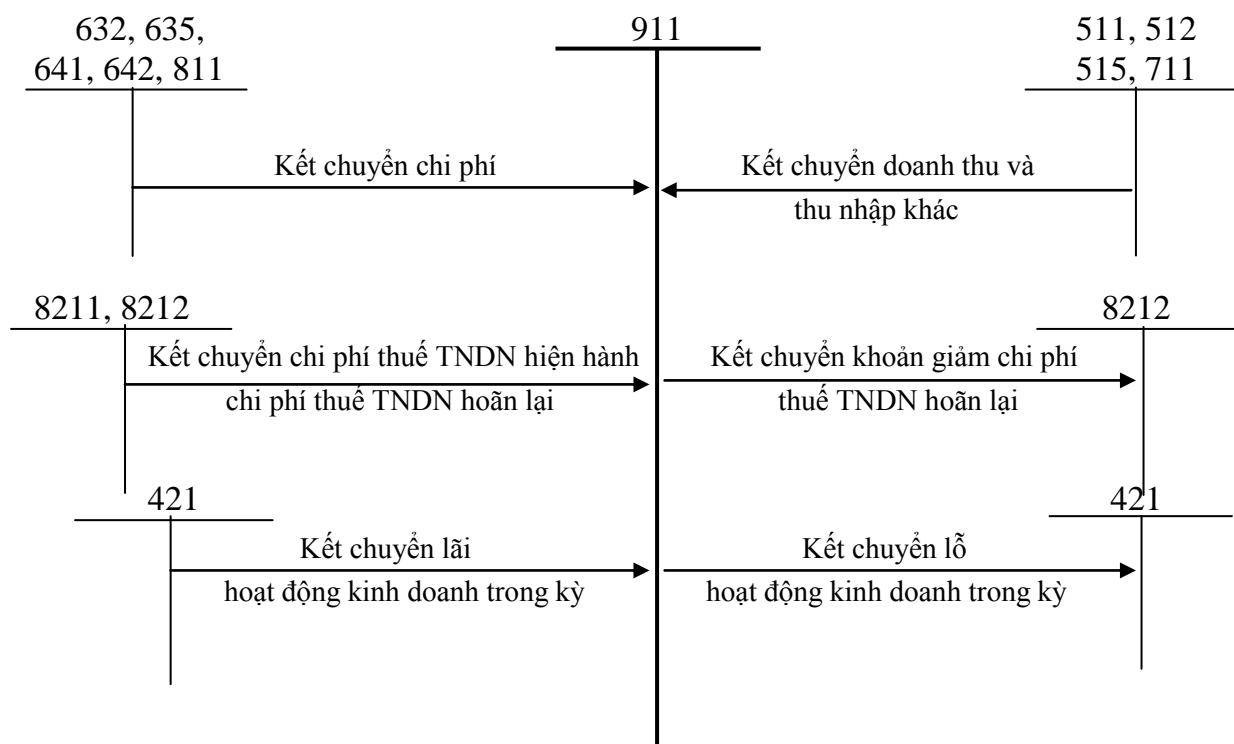
Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định tổng hợp tất cả các kết quả của các hoạt động của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Trình tự hạch toán:*

**Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



(Nguồn: Hệ thống kế toán Việt Nam: Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2)

**1.2.8 Hình thức và sổ sách kế toán.**

Theo chế độ kế toán hiện hành có 5 hình thức kế toán được sử dụng như sau:

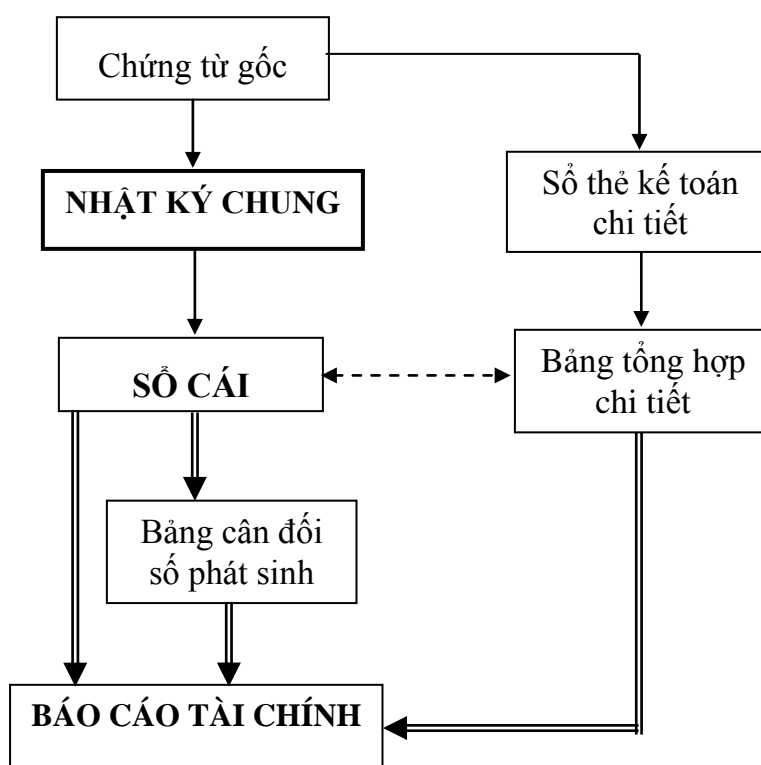
- Hình thức Nhật kí chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật kí - Sổ cái
- Hình thức Nhật kí - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**1.2.8.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.**

• Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức này gồm các loại sổ chủ yếu sau:
  - Sổ Nhật ký chung,
  - Các sổ thẻ kế toán chi tiết,
  - Sổ cái.

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày           →
- Ghi cuối tháng        ==>
- Đối chiếu, kiểm tra   <-.-.-.->

**1.2.8.2 Hình thức Chứng từ ghi sổ:**

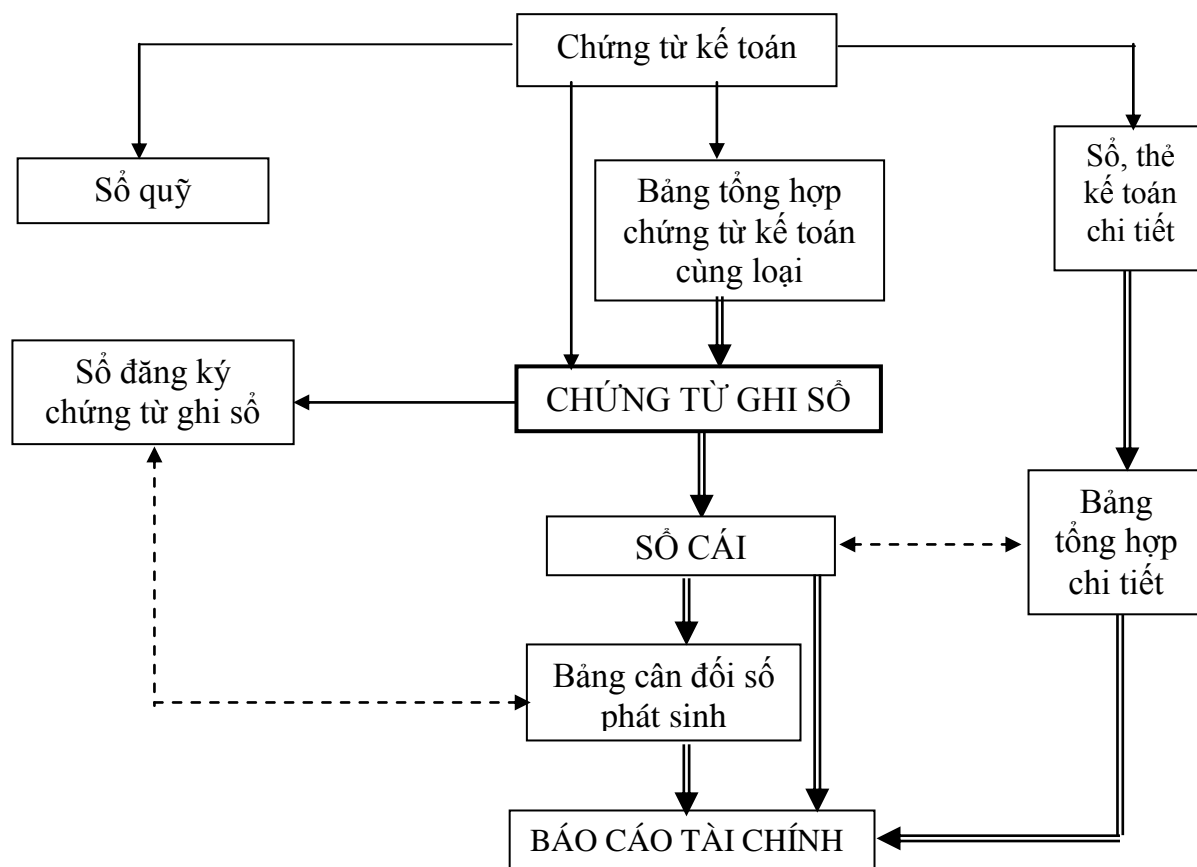
- Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng đính kèm trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các sổ kế toán sau:
  - Chứng từ ghi sổ,
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ,
  - Sổ cái.

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày           →
- Ghi cuối tháng       ⇒

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

**1.2.8.3 Hình thức kế toán trên Nhật ký – Chứng từ:**

- Đặc trưng cơ bản:

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

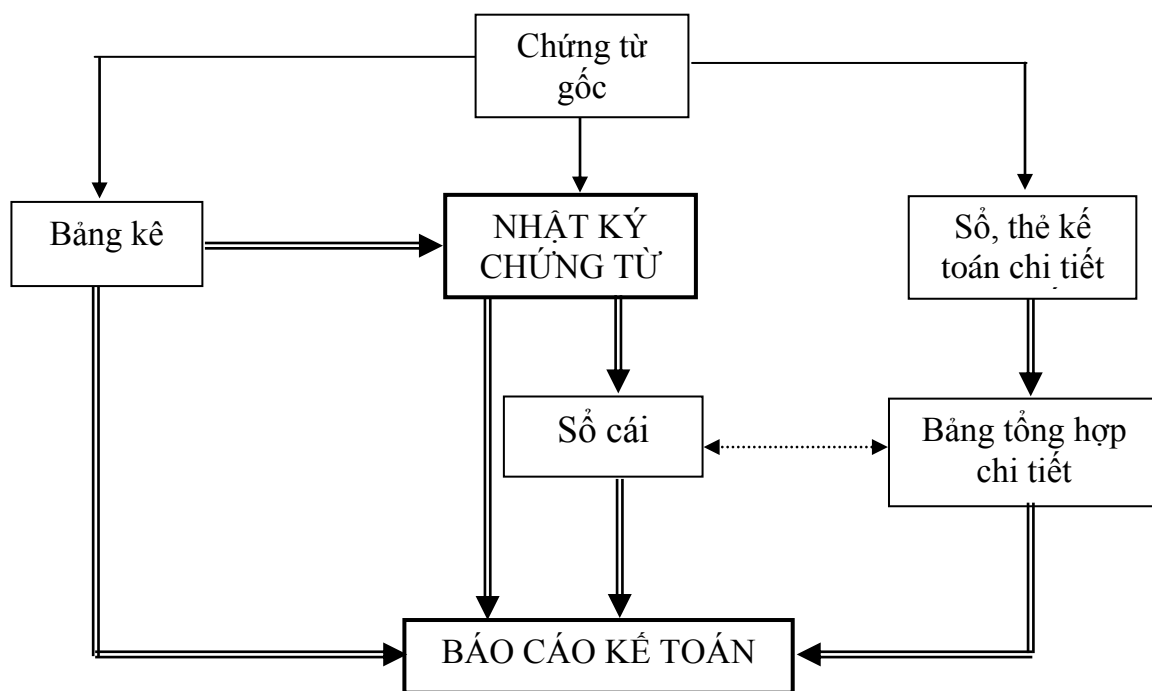
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các sổ kế toán sau:
  - Nhật ký chứng từ;
  - Bảng kê;
  - Sổ cái;
  - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ**



**Ghi chú:**  
 → Ghi hàng ngày  
 ==> Ghi cuối tháng  
 ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

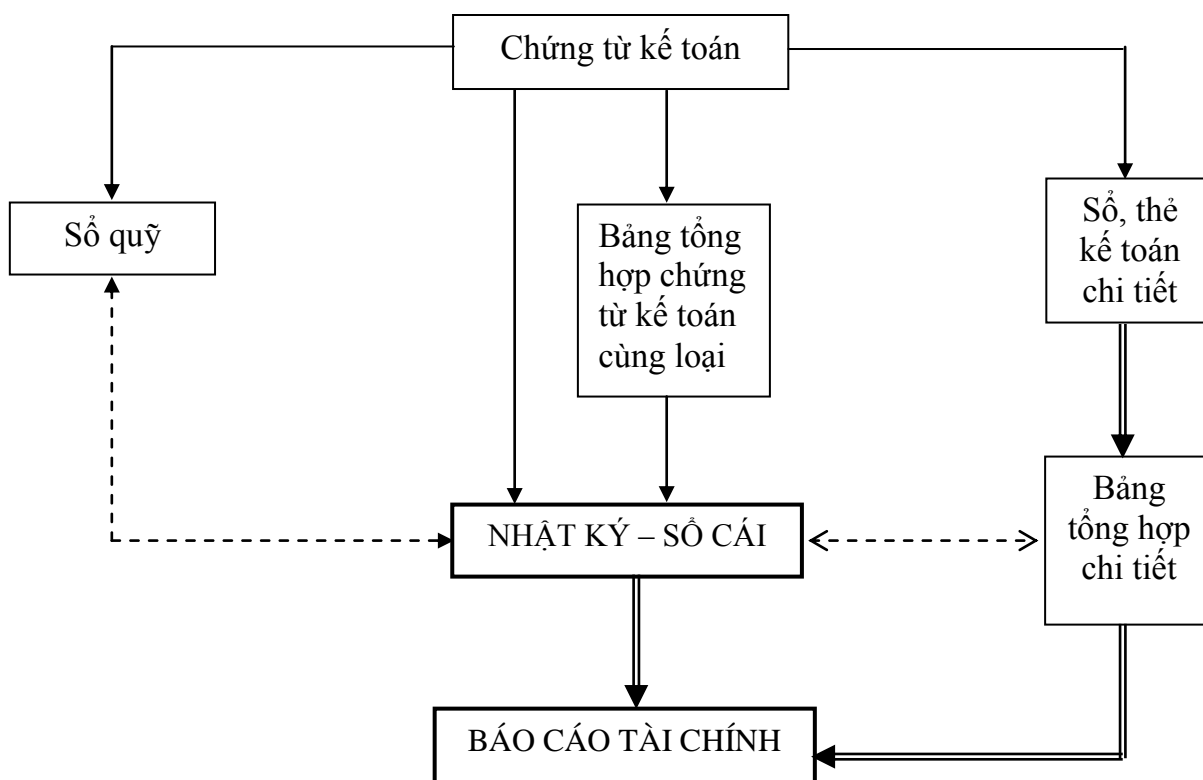
*1.2.8.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái*

- Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
  - Nhật ký – Sổ cái;
  - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

***Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái***



***Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng       $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra  $\left\langle \text{----} \right\rangle$

*1.2.8.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính*

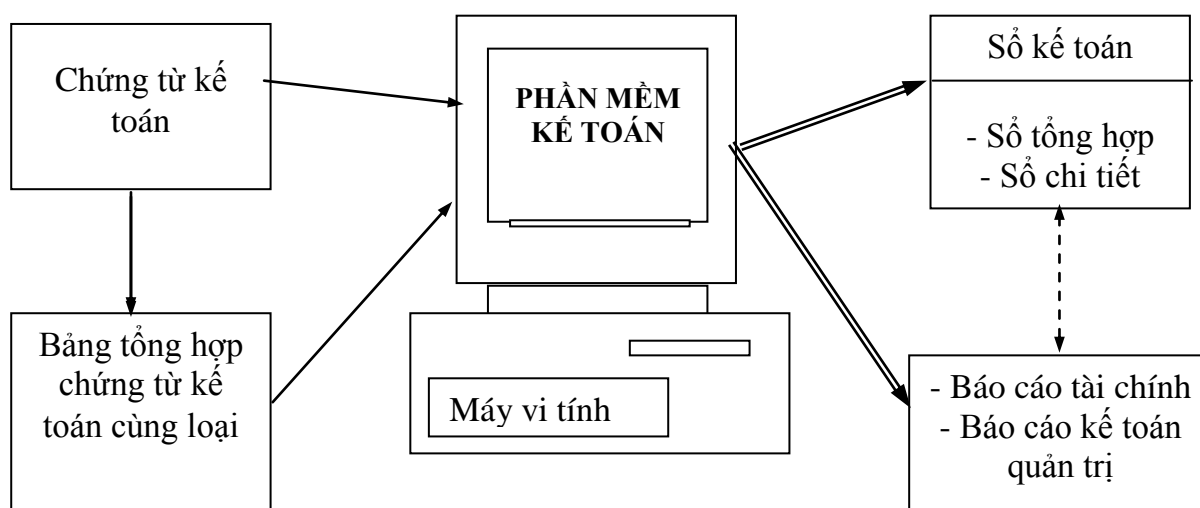
- Đặc trưng cơ bản:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

***Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính***



***Ghi chú:***

- > : Nhập số liệu hàng ngày (kế toán làm)
- =====> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm (máy làm)
- ◄-----> : Đối chiếu, kiểm tra (kế toán làm sau khi đã in ra giấy).

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV - XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI**

**2.1 Khái quát chung về Xí nghiệp Vật tư và Vận tải**

*Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV – Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.*

*Trụ sở: số 4 Cù Chính Lan – phường Minh Khai – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng.*

*Điện thoại: (031) 3823141*

*Fax: (031) 3842984*

*Email: xnvattuvantai@vnn.vn*

*Đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV*

*Trụ sở giao dịch: số 1 Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội*

*Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Nhà nước*

*Quy mô hoạt động: Doanh nghiệp lớn*

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Tiền thân là một tổng kho thiết bị của Bộ Công nghiệp nặng được hình thành từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1969).

Khi đất nước thống nhất, Xí nghiệp lúc đó là Tổng kho II thuộc Công ty Vật tư – Bộ Điện và Than.

Đến năm 1988, Tổng kho II sáp nhập với Xí nghiệp Giao nhận Vận chuyển lấy tên là Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Coalimex – Bộ Mỏ và Than (Bộ Mỏ và Than sau này chuyển thành Bộ Năng lượng).

Khi nhà nước thành lập một số Tổng công ty: Tổng công ty 90, Tổng công ty 91,... Trong đó có Tổng công ty Than Việt Nam được thành lập năm 1995, Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ & Vận tải được tách khỏi Công ty Coalimex và trực thuộc Công ty Thương mại và Dịch vụ.

Thực hiện chương trình đổi mới Nhà nước cũng như ngành Than, đến năm 2005, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải với tên gọi đầy đủ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV theo Quyết định 1214 TVN/TCNS

của Tổng công ty Than Việt Nam ngày 4/7/1995 nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

### **2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

#### **❖ Cơ sở vật chất kỹ thuật của Xí nghiệp.**

- Tại số 4 Cù Chính Lan quận Hồng Bàng – Hải Phòng có diện tích 4.211m<sup>2</sup> gồm: Nhà làm việc 3 tầng, 2 kho hàng, nhà xưởng sân bãi, phương tiện vận tải (xe với trọng tải 400 tấn), phương tiện vận tải thủy có 07 đoàn tàu trong đó có 06 đẩy và 01 đoàn kéo.

- Tại phường Đông Hải – quận Hải An – Hải Phòng có diện tích 49.091 m<sup>2</sup> bao gồm: 01 nhà làm việc 2 tầng, 01 kho hàng và toàn bộ sân bãi để hàng của Xí nghiệp.

- Tại phường Lãm Hà – quận Kiến An – Hải Phòng với diện tích 24.830 m<sup>2</sup> bao gồm: nhà làm việc, xưởng sửa chữa phương tiện thủy.

- Tại cây số 7 thị xã Quảng Yên huyện Yên Hưng – Quảng Ninh có diện tích 4000m<sup>2</sup> bao gồm: nhà văn phòng làm việc, 04 kho hàng, sân bãi.

#### **❖ Ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213001311 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/03/2007, ngành nghề kinh doanh của đơn vị bao gồm:

- Sản xuất phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ.
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu đẩy 150 - 200 mã lực, xà lan 250 - 500 tấn)
- Bán ô tô và xe có động cơ khác, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ.
- Bán buôn hàng may mặc, máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng, các loại máy khác...
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện, xăng dầu, sắt thép
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho.

### **2.1.3 Thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của Xí nghiệp một số năm gần đây.**

#### **❖ Thuận lợi.**

Là một đơn vị có bề dày về hoạt động tiếp nhận, vận chuyển vật tư hàng hoá với 07 đoàn xà lan thì 06 đoàn được đóng gấn đây nhất, phù hợp với hoạt động vận chuyển hiện nay.

Bên cạnh đó được sự giúp đỡ của Bộ Năng lượng, cùng với mối quan hệ làm ăn lâu dài đã tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động SXKD của Xí nghiệp phát triển.



Đội ngũ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề cao đã tạo nên một bộ máy tổ chức đồng bộ, ăn khớp, hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo nên sự vững mạnh của Công ty.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp, chính sự lãnh đạo của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết tập thể, sự nhất trí trong mọi hoàn cảnh, mọi hoạt động của cán bộ công nhân viên là yếu tố cơ bản giúp Xí nghiệp luôn đạt được những thành tích trong SXKD và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình với Ngân sách Nhà nước, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV.

❖ *Khó khăn.*

Phạm vi hoạt động SXKD của Xí nghiệp chủ yếu trong ngành Than nhưng do cơ chế thị trường, Xí nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng rất lớn của sự cạnh tranh giữa các đơn vị trong ngành có cùng đặc điểm SXKD, chưa kể đến những đơn vị ngoài ngành.

Do nguồn vốn vay chiếm gần 100%, lại chịu lãi suất lớn trong thời kỳ ban đầu, nên Xí nghiệp vẫn tồn tại những khó khăn cần khắc phục như phương tiện vận tải bộ còn lạc hậu, chưa đảm bảo cho việc khai thác vận chuyển trong thời kỳ hiện nay.

❖ *Thành tích của Xí nghiệp đạt được trong 2 năm gần đây.*

Những thành tích mà Xí nghiệp đạt được thể hiện cụ thể trong bảng kết quả kinh doanh về một số chỉ tiêu chủ yếu trong Xí nghiệp ba năm gần đây như sau:

*Biểu 2.1:*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1	GT tổng sản lượng	Đồng	194.421.138.379	245.837.422.516
2	Doanh thu thuần	Đồng	236.236.083.009	288.471.354.945
3	Tổng chi phí	Đồng	232.781.983.551	285.801.950.898
4	Lợi nhuận	Đồng	3.454.099.548	2.669.404.047
5	Lao động BQ	Người	198	198
6	Tiền lương BQ	Đồng	5.872.000	6.471.000

*(Nguồn: Phòng tài chính kế toán - năm 2009)*

Thông qua các số liệu ở bảng chỉ tiêu trên, có thể thấy:

- Giá trị tổng sản lượng của Xí nghiệp năm 2009 đã tăng so với năm 2008 là: 51.416.284.137 (đồng) (= 245.837.422.516 - 194.421.138.379).

- Doanh thu thuần năm 2009 so với năm 2008 đã tăng 52.235.271.936 (đồng) (= 288.471.354.945 - 236.236.083.009)

- Tổng chi phí năm 2009 cũng tăng so với năm 2008 là 53.019.967.347 (đồng) (= 285.801.950.898 - 232.781.983.551)

- Lợi nhuận năm 2009 giảm so với năm 2008 là 784.695.501 (đồng)
- Số lao động bình quân của Xí nghiệp năm 2009 so với năm 2008 không thay đổi.

#### **2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng hoạt động SXKD, hoạt động quản lý, Xí nghiệp tổ chức cơ cấu cán bộ SXKD, phòng ban nghiệp vụ, bố trí lao động một cách hợp lý bảo đảm mọi hoạt động SXKD, mọi quan hệ công tác được diễn ra đồng bộ, ăn khớp trong toàn Xí nghiệp và sự thống nhất chỉ đạo tập trung dân chủ.

Cơ cấu bố trí, sắp xếp, nhiệm vụ của ban lãnh đạo các phòng ban, tổ đội, chi nhánh trong Xí nghiệp như sau (Sơ đồ 2.1):

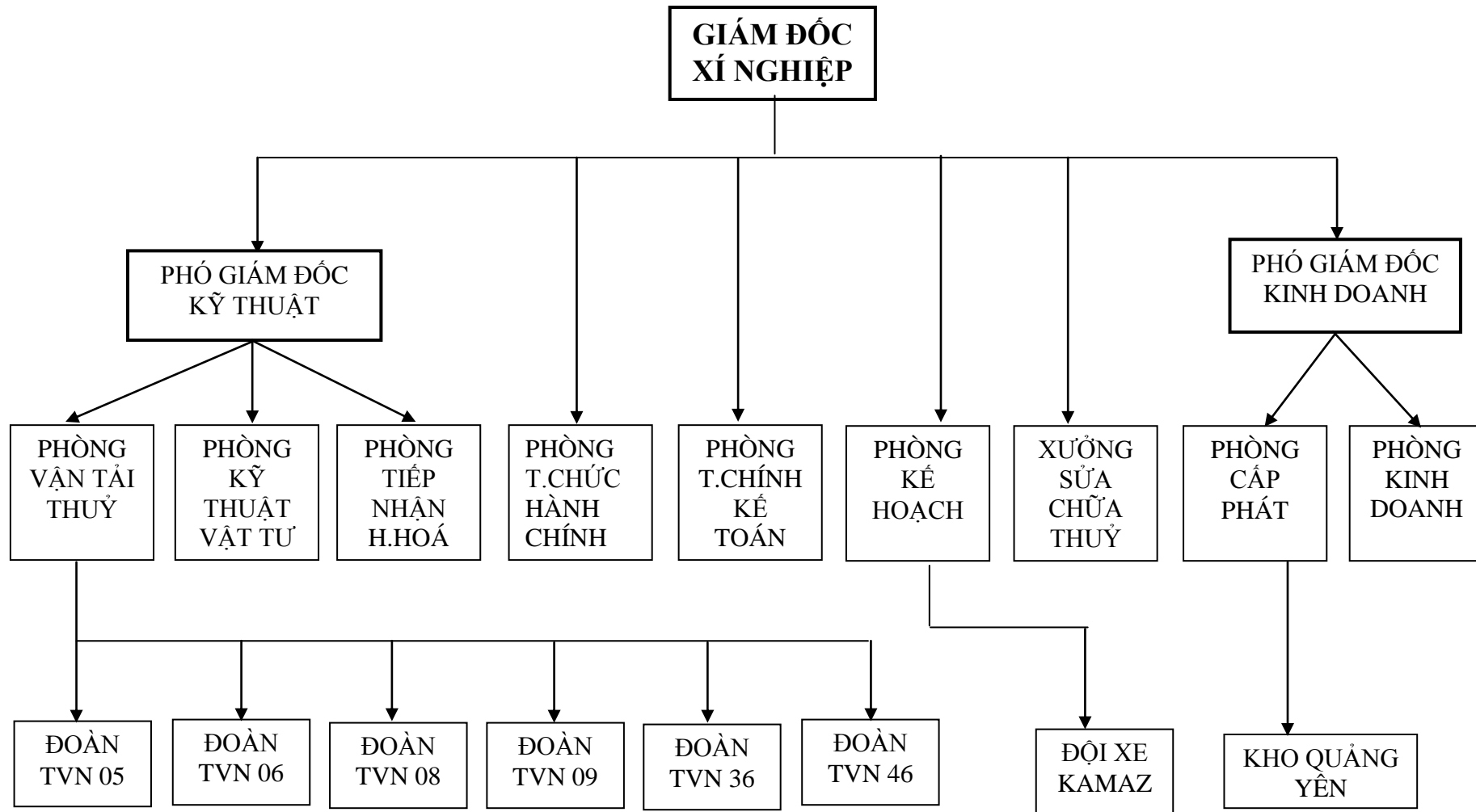
➤ **Giám đốc Xí nghiệp.**

Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Xí nghiệp, là người chịu trách nhiệm trước Công ty và các cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật nhà nước về toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp về thu nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.

Điều hành trực tiếp và giao nhiệm vụ tham mưu cho 2 Phó Giám đốc theo chức năng của mỗi người. Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm:

- Phòng tổ chức hành chính về một tổ chức nhân sự, lao động tiền lương.
  - Phòng kế hoạch về kế hoạch SXKD và ký kết các hoạt động kinh tế.
  - Phòng kế toán tài chính về quản lý tài chính, quản lý chi phí trong hoạt động SXKD về báo cáo tài chính và các khoản thu nộp.
  - Đội vận tải về kế hoạch SXKD của đội và các hợp đồng vận tải hàng hóa cho các nhà máy điện, đạm.
  - Chi nhánh kho Quảng Yên về tổ chức nhân sự quản lý SXKD chung.
  - Xưởng sửa chữa phương tiện thủy về tổ chức nhân sự, quản lý về SXKD, sửa chữa phương tiện thủy và ngoài Xí nghiệp.
- **Phó Giám đốc kinh doanh.**
- Điều hành trực tiếp phòng kinh doanh về mua bán vật tư, hàng hóa.
  - Điều hành trực tiếp phòng hàng hóa về công tác tiếp nhận hàng ủy thác, tổ chức điều hành công tác tiếp nhận, vận chuyển hàng ủy thác của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các đơn vị trực thuộc TKV.
- **Phó giám đốc kỹ thuật:**
- Điều hành trực tiếp xưởng sửa chữa về kỹ thuật, phương án sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp cũng như bên ngoài.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý SXKD Xí nghiệp Vật tư và Vận tải



- Điều hành trực tiếp phòng vận tải thủy bao gồm các đoàn phương tiện thủy.
- Điều hành trực tiếp phòng vật tư kỹ thuật về công tác kỹ thuật và đảm bảo chất lượng vật tư cho công tác sửa chữa và quản lý hàng hóa dự trữ của TKV.

➤ Phòng tổ chức hành chính.

Có nhiệm vụ tổ chức và quản lý nhân sự, lao động về tiền lương của toàn Xí nghiệp, tổ chức quản lý phục vụ hành chính và quản lý điều hành hoạt động 05 xe con phục vụ trong Xí nghiệp.

➤ Phòng kế hoạch: Lập kế hoạch SXKD của Xí nghiệp, ký kết các hợp đồng kinh tế, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo các kỳ báo cáo, quản lý trực tiếp Đội ô tô (bao gồm 10 xe Kamaz) vận chuyển than cho các Mỏ.

➤ Phòng tài chính kế toán:

Làm công tác thống kê, kế toán, tổ chức hạch toán quá trình SXKD, quản lý tài chính của Xí nghiệp.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, trước bộ máy quản lý tài chính cấp trên, trước nhà nước (thuế, tài chính...) về công tác hạch toán quá trình SXKD và việc chấp hành chế độ kế toán, tài chính.

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Xí nghiệp, cho các phòng ban chức năng, xưởng, đội, về chế độ quản lý tài chính, chế độ tiền lương, chi phí,... trong mỗi hoạt động SXKD.

➤ Phòng tiếp nhận hàng hóa: Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ủy thác của Tập đoàn, Công ty và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

➤ Phòng kinh doanh: Làm công tác kinh doanh hàng hóa, vật tư, thiết bị phụ tùng cung cấp cho các đơn vị trong và ngoài ngành.

➤ Phòng kỹ thuật vật tư: Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kỹ thuật về vật tư, phụ tùng thay thế, kỹ thuật, an toàn của các phương tiện vận tải trong Xí nghiệp, theo dõi tình hình xuất tồn kho vật tư, hàng hoá của Xí nghiệp, theo dõi công tác sửa chữa phương tiện của Xí nghiệp.

➤ Phòng vận tải thủy: Thực hiện các hợp đồng vận chuyển hàng với các đơn vị. Lập kế hoạch và tiến độ cho 06 đoàn phương tiện thủy để vận chuyển than phục vụ trong và ngoài ngành.

➤ Phòng cấp phát hàng: Quản lý kho bãi và cầu cảng, giao nhận hàng hoá dự trữ của Tập đoàn.

➤ Xưởng sửa chữa phương tiện thuỷ: quản lý cơ cấu quản lý nhân sự, quản lý kinh tế dưới sự chỉ đạo của Phó giám đốc kỹ thuật về phương diện lập dự toán sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp, đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng cho phương tiện khi sửa chữa kể cả trong và ngoài Xí nghiệp.

➤ Đội thanh tra bảo vệ: Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của phòng tổ chức hành chính làm công tác bảo vệ toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật của Xí nghiệp. Tổ chức phòng, chữa cháy cho toàn bộ hệ thống văn phòng, kho tàng, bến bãi.

**2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

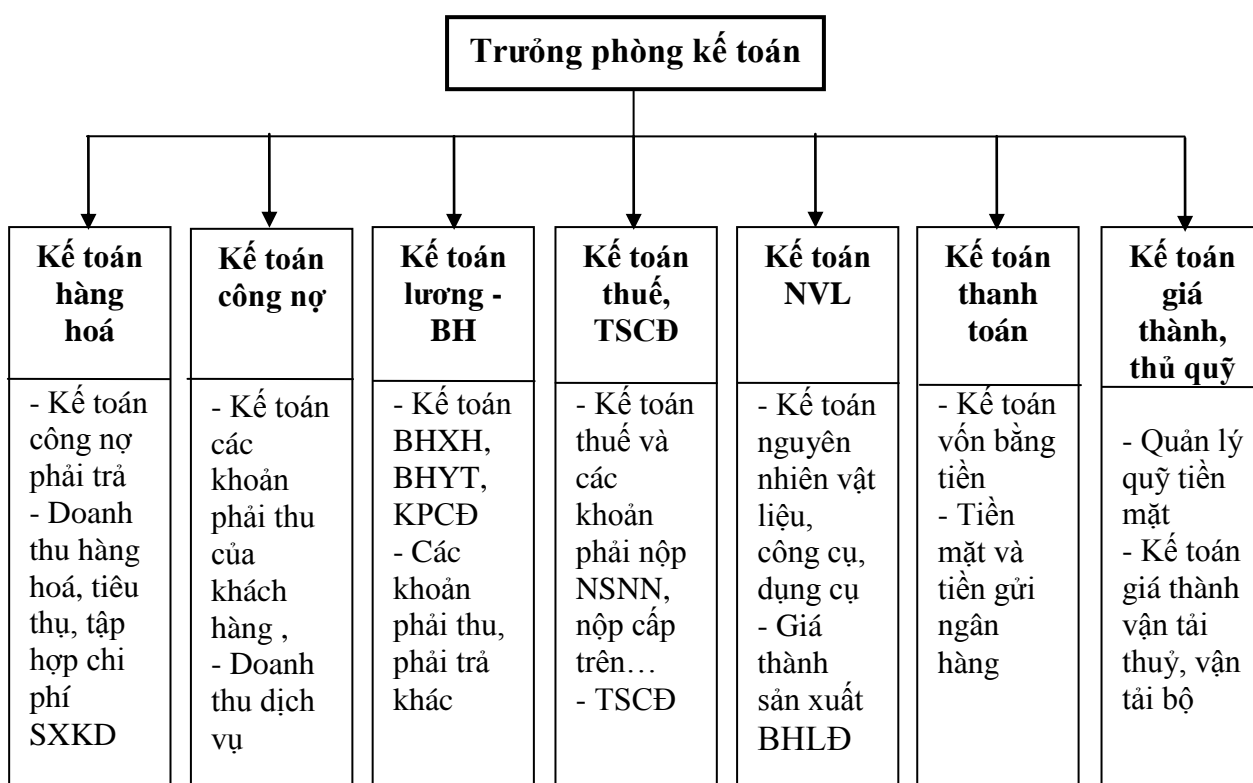
**2.1.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Bộ máy kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Toàn bộ các chứng từ ban đầu của các bộ phận đều được tập trung về phòng kế toán Xí nghiệp để phân loại, tổng hợp hạch toán theo đúng chế độ kế toán.

Việc tổ chức bộ máy kế toán ở Xí nghiệp tạo ra được những mối quan hệ giữa các phần hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải



Phòng kế toán có 7 người với nhiệm vụ:

➤ Trưởng phòng kế toán: Là người trực tiếp phụ trách, điều hành toàn bộ, nghiệp vụ của phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, kế toán công ty về kết quả hoạt động của bộ máy kế toán Xí nghiệp, chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin do bộ máy kế toán Xí nghiệp cung cấp. Trực tiếp tham gia công tác nghiệp vụ trong bộ máy kế toán của Xí nghiệp làm công tác kế toán tổng hợp, xác định kết quả SXKD, tổng hợp Báo cáo tài chính và phân tích các hoạt động kinh tế của Xí nghiệp.

➤ Kế toán hàng hoá: Phụ trách các phần hành bao gồm: Theo dõi các hoạt động kinh doanh hàng hoá của Xí nghiệp (xác định doanh thu, chi phí bán hàng hoá), các khoản công nợ phải trả cho người bán, tập hợp chi phí SXKD toàn Xí nghiệp.

➤ Kế toán công nợ: Theo dõi các khoản công nợ phải thu của khách hàng, theo dõi doanh thu các hoạt động dịch vụ vận tải bộ, thuỷ, sửa chữa phương tiện thuỷ, cho thuê phương tiện và cho thuê kho bãi và cảng của Xí nghiệp.

➤ Kế toán lương và bảo hiểm: Tính và thanh toán tiền lương, thưởng và các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, các khoản vay phải trả Ngân hàng và cán bộ công nhân viên.

➤ Kế toán thuế, tài sản cố định (TSCĐ): Theo dõi tình hình biến động về tài sản, trích khấu hao TSCĐ tình hình sửa chữa TSCĐ; kê khai và hạch toán thuế và các khoản nộp ngân sách, các khoản trích nộp cấp trên (Công ty).

➤ Kế toán nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ (NVL - CCDC): Theo dõi tình hình nhập - xuất, tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ theo dõi hàng dự trữ của Tổng công ty.

➤ Kế toán thanh toán: Theo dõi kế toán vốn bằng tiền, các khoản vay vốn ngân hàng, vay.

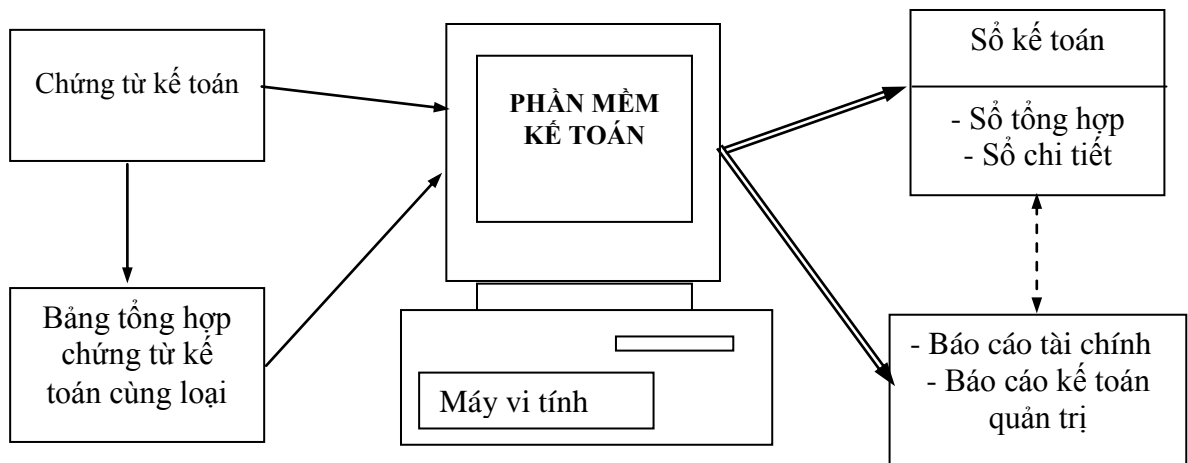
➤ Kế toán giá thành và thủ quỹ: Theo dõi thu chi tiền mặt tại Xí nghiệp, đồng thời theo dõi giá thành của các đoàn phương tiện trong Xí nghiệp.

#### *2.1.5.2 Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.*

❖ Hình thức kế toán Xí nghiệp áp dụng:

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình kế toán trên máy vi tính

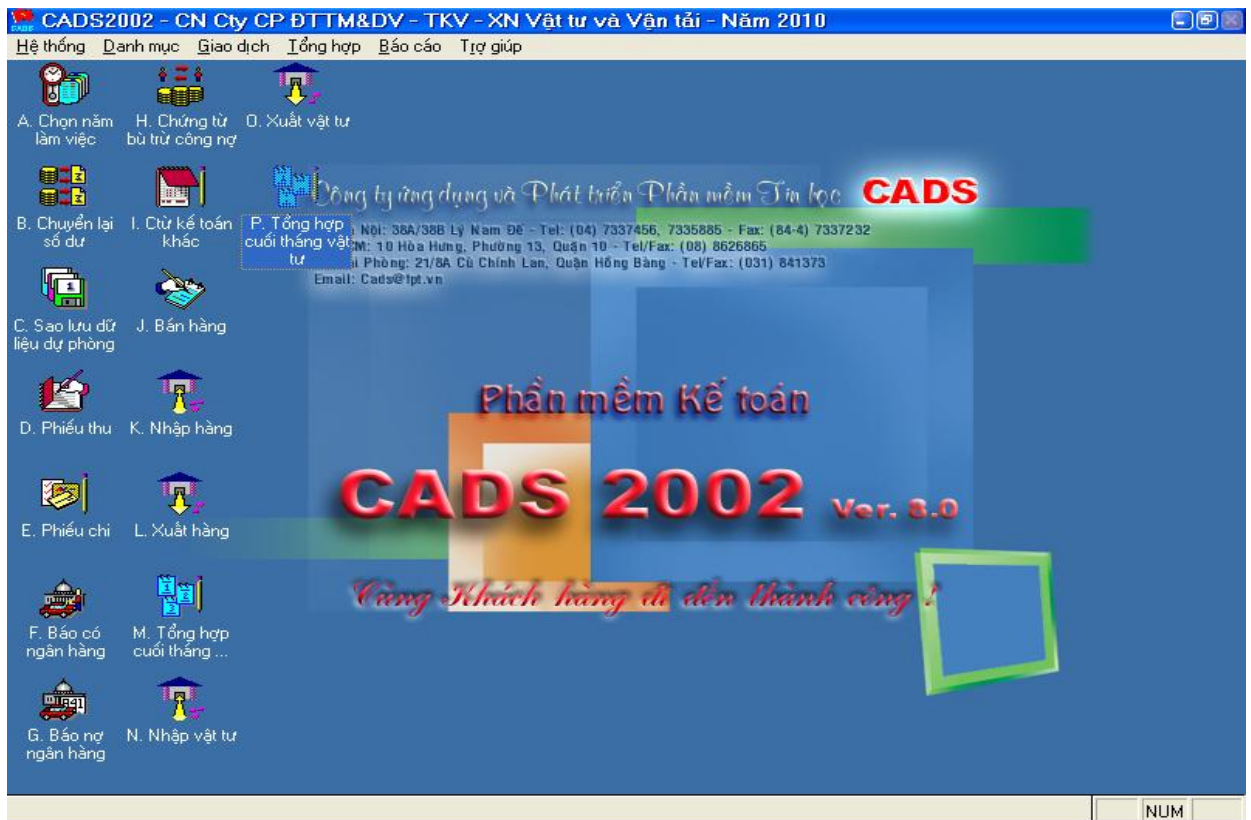


**Ghi chú:**

- > : Nhập số liệu hàng ngày (kế toán làm)
- =====> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm (máy làm)
- ⋯⋯⋯> : Đối chiếu, kiểm tra (kế toán làm sau khi đã in ra giấy)

Hiện nay, Xí nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán CADS 2002 do Tổng công ty thuê chuyên gia lập trình và cài đặt theo hình thức Nhật ký – Chứng từ. Từ màn hình máy vi tính kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chứng từ, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện ra.

**Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán CADS 2002:**



Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ nên sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản, Sổ cái.

Phần mềm kế toán CADS 2002 mà Xí nghiệp đang sử dụng bị lỗi về sổ sách (Bảng kê và sổ Nhật ký chứng từ), cụ thể:

- Ngoài Bảng kê số 1(ghi Nợ TK 111), Bảng kê số 2(ghi có TK 112), Nhật ký chứng từ số 1 (ghi có TK 111), Nhật ký số 2 (ghi có TK 112) thì việc ghi nợ các tài khoản khác (Ví dụ ghi có TK 3331, 511, 515, 711,...) được theo dõi trên Bảng kê chứng từ (biểu số 2.2); việc ghi nợ các tài khoản khác được ghi vào Nhật ký chứng từ số 10.

- Một số mẫu sổ được thiết kế chưa đúng với mẫu sổ quy định chung của Bộ Tài chính như: Sổ chi tiết TK, Sổ cái,...

Mẫu Bảng kê chứng từ mà Xí nghiệp sử dụng có dạng như sau:

Biểu số 2.2:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**

Tài khoản:

Phát sinh nợ :

Phát sinh có :

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có

Ngày...tháng ...năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

❖ Chính sách kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải áp dụng:

Công tác kế toán tại Xí nghiệp được áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Phương pháp hạch toán HTK: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá HTK: theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp kế toán thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.



Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N.

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

## **2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

*Các phương thức tiêu thụ mà Xí nghiệp sử dụng:*

Hiện nay Xí nghiệp Vật tư và Vận tải chỉ sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Xí nghiệp giao hàng hoá cho người mua trực tiếp tại kho bao gồm cả bán buôn và bán lẻ. Trong đó, phương thức bán buôn được sử dụng chủ yếu.

- Bán lẻ: Việc tiêu thụ hàng hoá với số lượng và giá trị nhỏ hơn 3 triệu đồng hoặc không theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết trước mà do phát sinh đột xuất theo yêu cầu của khách hàng thì được Xí nghiệp xem là bán lẻ. Đối với bán lẻ người mua sẽ thanh toán ngay sau khi nhận hàng hoá và thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt.

- Bán buôn: Việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Xí nghiệp với các khách hàng – là đơn vị trong hay ngoài Tập đoàn. Xí nghiệp có thể giao hàng tại kho của Xí nghiệp hoặc tại kho của người mua tùy theo điều kiện đã ghi trong hợp đồng kinh tế. Đối với bán buôn thì chủ yếu là trả chậm, chủ yếu thanh toán bằng chuyển khoản. Hàng bán ra chủ yếu là trả tiền sau do vậy các nghiệp vụ bán hàng qua hợp đồng đều hạch toán qua TK 131. Khách hàng có thể chia làm 2 loại: khách hàng thường xuyên và khách hàng không thường xuyên. Khách hàng thường xuyên là những khách hàng có hợp đồng mua bán lớn với Xí nghiệp và chủ yếu có thanh toán trả chậm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải là đơn vị hoạt động lâu năm, có uy tín trong công tác bán hàng (vật tư, hàng hoá, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ). Phần lớn hàng hoá vật tư của Xí nghiệp được kiểm tra, xem xét rất chặt chẽ, kỹ lưỡng ngay từ khâu mua, được bảo quản trong kho hoặc giao ngay cho khách hàng. Mặc khác, trong quá trình bán hàng Xí nghiệp chỉ được giao cho khách hàng những hàng hoá đủ tiêu chuẩn chất lượng (có sự đồng ý của bên mua) nên các nghiệp vụ giảm giá hàng bán hay hàng bán bị trả lại hầu như không xảy ra. Trong quá trình bán hàng ở Xí nghiệp cũng không phát sinh các nghiệp vụ chiết khấu. Do đó, Xí nghiệp không có các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Vì

thế, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp cũng là doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ sử dụng để bán hàng của Xí nghiệp là Hoá đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL). Hoá đơn GTGT có giá trị như tờ lệnh xuất kho, đồng thời là cơ sở để kế toán theo dõi, ghi chép, phản ánh doanh thu bán hàng, theo dõi công nợ cũng như việc xuất kho.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- Liên 1 (liên tím): lưu tại gốc
- Liên 2 (liên đỏ): giao cho khách hàng
- Liên 3 (liên xanh): thanh toán nội bộ, kế toán dùng để hạch toán doanh thu.

Ngoài ra, còn các chứng từ liên quan khác như: phiếu thu, séc chuyển khoản, Giấy báo có của ngân hàng,...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Trong đó:
  - + TK 5111 “Doanh thu hàng hoá”
  - + TK 5112 “Doanh thu vận tải bộ”
  - + TK 5113 “Doanh thu vận tải thuỷ”
  - + TK 5114 “Doanh thu sửa chữa thuỷ”
  - + TK 5115 “Doanh thu cầu cảng kho bãi”
  - + TK 5116 “Doanh thu tiếp nhận”
  - + TK 5117 “Doanh thu bốc xúc”
  - + TK 5118 “Doanh thu BHLĐ”.
- TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.
  - + TK 5121 “Doanh thu nội bộ hàng hoá”
  - + TK 5122 “Doanh thu nội bộ dịch vụ”
  - + TK 5123 “Doanh thu nội bộ hàng dự trữ”
  - + TK 5124 “Doanh thu nội bộ vận tải bộ”.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán cũng sử dụng các TK liên quan khác như: TK 131 “Phải thu của khách hàng”, TK 33311 “Thuế GTGT đầu ra”,...

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu tại Xí nghiệp:**

**Ví dụ minh hoạ:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Ngày 25/12/2009, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải bán 20.082 kg thép tròn Φ 6 - Hoà Phát cho Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV (theo Hợp đồng kinh tế số 1452/HĐ-KT) với đơn giá 14.000 đồng /kg, thuế suất thuế GTGT là 5%.

- Khi có nghiệp vụ bán hàng, căn cứ vào Hợp đồng kinh tế đã kí kết cán bộ phòng kinh doanh lập Hoá đơn GTGT số 0234733.

- Kế toán dùng liên 3 Hoá đơn GTGT (*Biểu số 2.3*) để hạch toán doanh thu.

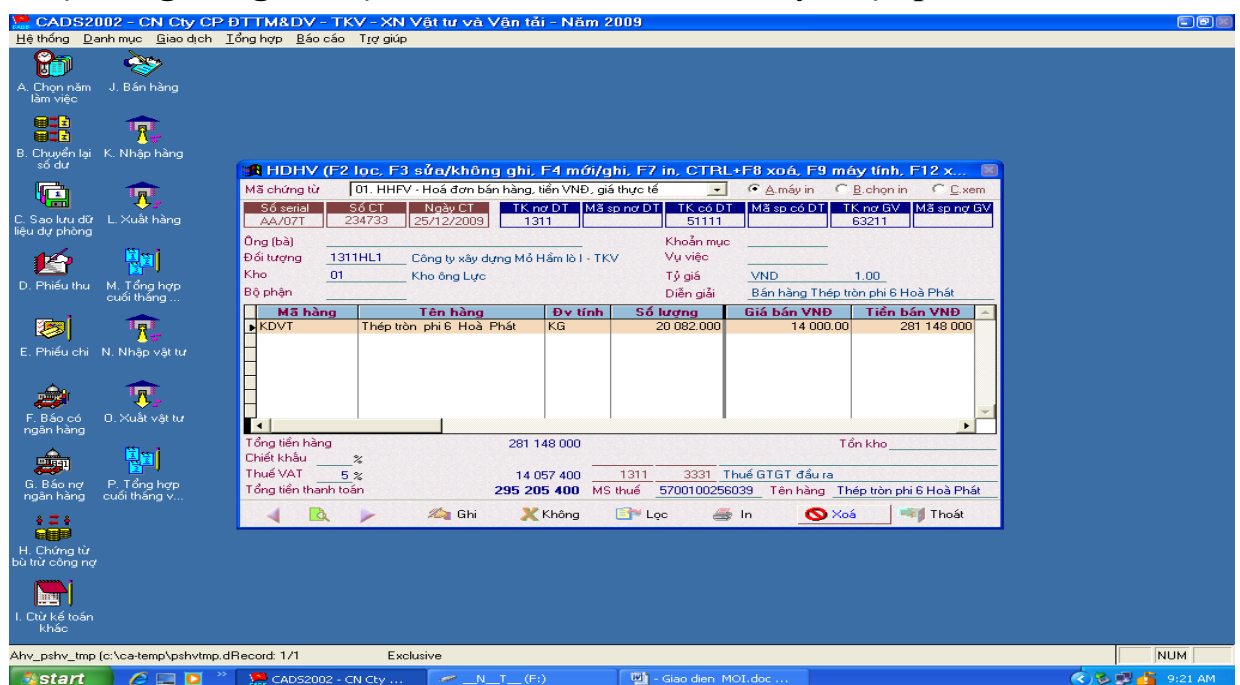
Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

Từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CADS 2002, kế toán chọn mục “Giao dịch”/ “Hàng hoá”/ “Bán hàng”, “Hoá đơn bán hàng” hiện lên, ấn F4 (mở chứng từ mới) rồi nhập: số serial, số CT ngày CT, diễn giải,... Nhấn enter, xuất hiện màn hình danh sách đối tượng, chọn đối tượng (Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV). Nhấn enter danh mục kho xuất hiện, chọn tên kho (kho ông Lược), Nhấn enter xuất màn hình danh mục mã hàng trong kho đã chọn ở trên, chọn đúng mã hàng rồi nhấn enter các cột tên hàng, đơn vị tính, số lượng, đơn giá,... phần mềm sẽ tự động ghi.

Để nhập tiền thuế GTGT kế toán ấn tổ hợp phím Ctrl + A, màn hình khai báo thuế cho chứng từ hiện lên, kế toán nhập thuế suất thuế VAT (5%), mã số thuế (5700100256039), tên hàng, TK nợ (1311), TK có (3331)...

Sau khi nhập xong nội dung của chứng từ, trên màn hình giao diện của Hoá đơn , kích chuột vào ô trên cùng (màu xanh đậm) kế toán nhập: TK nợ DT (1311), TK Có DT (51111), ấn enter máy sẽ tự động ghi TK nợ GV (63211).

**Nội dung của giao diện Hoá đơn GTGT trên máy được phản ánh như sau:**



**Biểu số 2.3:**

TẬP ĐOÀN CN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM		<b>HOÁ ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: <b>01 GTKT-3LL</b>	
Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội		Liên 3: Thanh toán nội bộ		Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC	
Mã số thuế: 5700100256		Ngày 25 tháng 12 năm 2009		Ngày 13/3/2006 của Cục thuế TP Hà Nội	
<b>TKV</b>				<b>Ký hiệu: AA/2007T</b> <b>Số: 0 2 3 4 7 3 3</b>	
Đơn vị bán hàng:	CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV-XN VẬT TƯ&VẬN TẢI				.....
Địa chỉ: .....	Số 4 Cù Chính Lan – Hải Phòng				Số tài khoản:.....
Điện thoại: .....	MST: 0 2 0 0 1 7 0 6 5 8 0 0 1				MST: .....
Họ tên người mua: Vũ Thị Gấm.....					
Tên đơn vị: Công ty Xây Dựng Mỏ - Hàm Lò 1 – TKV.....					
Địa chỉ: Cẩm Phả - Cẩm Phả - Quảng Ninh Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:....CK..... MST: 5 7 0 0 1 0 0 2 5 6 0 3 9.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cáp thép không mạ	Cái	20.082	14.000	281.148.000
Cộng tiền hàng:					281.148.000
Thuế suất GTGT: 10% x 50 %		Tiền thuế GTGT:		14.057.400	
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					295.205.400
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm linh năm ngàn bốn trăm đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Sau khi ấn F10 lưu, phần mềm CADs sẽ tự động chuyển các số liệu trên vào Sổ chi tiết TK 511, TK 131; Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 511); bảng kê chứng từ TK 131, Sổ cái TK 511...

Để xem Sổ chi tiết TK, từ màn hình giao diện CADs 2002/ “Báo cáo”/ “Báo cáo quản trị chung”/ “Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng”, sẽ xuất hiện hộp thoại rồi nhập tên TK (511), tháng năm cần xem (Ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó ấn “nhận”, xuất hiện Sổ chi tiết TK 511, ấn phím F7 để in ra Sổ chi tiết TK 511 (*Biểu số 2.4*).

Để xem Nhật ký chứng từ, từ màn hình giao diện CADs 2002/ “Báo cáo”/ “Báo cáo Nhật ký chứng từ”/ “Nhật ký chứng từ số 10” sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK (511), tháng năm cần xem (Ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó ấn “nhận”, xuất hiện Nhật ký chứng từ, ấn phím F7 để in ra Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 511) (*Biểu số 2.5*).

**Biểu số 2.4:**

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá

Dư nợ đầu ngày 0  
 Phát sinh nợ 7.470.032.492  
 Phát sinh có 7.470.032.492  
 Dư nợ cuối ngày 0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
...	...	.....	...		...
25/12	234733	Bán cáp thép tròn (Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV)	1311		281.148.000
28/12	234586	Bán Máng cào phòng nổ (Công ty TNHH MTV than Quang Hanh)	1311		1.502.342.700
...	...	.....	...		...
31/10	164	Kết chuyển giá vốn hàng hoá, vật tư 51111 ---> 91111	91111	7.470.032.492	

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Biểu số 2.5:**

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10**

Ghi Có Tài khoản: 5111 – Doanh thu bán hàng hoá

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Ngày	Cộng Ps Nợ	TK Có 911	Cộng Ps Có	TK Nợ 131
...			...	...
25/12			281.148.000	281.148.000
28/12			1.502.342.700	1.502.342.700
...			...	...
31/12	7.470.032.492	7.470.032.492		
<b>Cộng</b>	<b>7.470.032.492</b>	<b>7.470.032.492</b>	<b>7.470.032.492</b>	<b>7.470.032.492</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp - Năm 2009)

Để xem Sổ cái TK 511, trên menu trên màn hình chính kế toán chọn “Báo cáo”, xuất hiện hộp thoại chọn tiếp mục “Báo cáo tài chính”/ “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu TK (ví dụ TK 511), chọn quý, năm cần xem (ví dụ cần xem quý 4 năm 2009). Xong nhấn “nhận”, xuất hiện Sổ cái TK 511. Để in ra Sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.6**) nhấn phím F7.

**Biểu số 2.6:**

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 511**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

<b>TK ĐƯ</b>	<b>Phát sinh có</b>	<b>Ps Nợ Tháng 10</b>	<b>Ps Có Tháng 10</b>	<b>Ps Nợ Tháng 11</b>	<b>Ps Có Tháng 11</b>	<b>Ps Nợ Tháng 12</b>	<b>Ps Có Tháng 12</b>	<b>Luỹ kế Ps Nợ</b>	<b>Luỹ kế Ps Có</b>
Dư đầu									
<b>Tổng ps</b>	<b>80.837.931.742</b>	<b>22.632.072.178</b>	<b>27.632.072.178</b>	<b>27.469.883.942</b>	<b>27.469.883.942</b>	<b>30.735.883.942</b>	<b>30.735.883.942</b>	<b>283.107.293.077</b>	<b>283.107.293.077</b>
Dư cuối									
1311	80.068.833.641		22.344.444.486		27011.313.942		30.713.075.213		279.972.916.732
1312	769.098.101		287.627.692		458.570.000		22.900.409		3.134.376.345
91111		6.130.430.840		5.089.358.634		7.470.032.492		39.356.233.055	
911211								213.231.920	
....		....	....	....	....	....	....	...	....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp - Năm 2009)

Song song với việc ghi nhận doanh thu, kế toán tiến hành theo dõi khoản phải thu của khách hàng trên sổ chi tiết công nợ. Mỗi khách hàng Xí nghiệp mở một sổ chi tiết công nợ để theo dõi tình hình thanh toán cho từng khách hàng. Điều đặc biệt ở Công ty CP ĐT TM&DV- Xí nghiệp Vận tư &Vận tải, dù khách hàng thanh toán ngay hoặc chưa thanh toán thì đều hạch toán vào bên Nợ TK 131. Sau đó sẽ hạch toán tiếp tùy vào trường hợp cụ thể như sau:

+ Nếu khách hàng nợ tiền hàng: Lúc này khách hàng đã chấp nhận thanh toán nhưng chưa có tiền để trả, kế toán ghi tăng doanh thu và ghi tăng khoản phải thu của khách hàng. Đến khi nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng thông báo khách hàng đã trả tiền thì kế toán ghi giảm khoản phải thu của khách hàng.

+ Trường hợp khách hàng mua hàng và thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng, thì kế toán vẫn tiến hành hạch toán như trên, nhưng ngay sau đó kế toán phải ghi giảm khoản phải thu của khách hàng đồng thời ghi tăng khoản tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng.

Cuối kỳ, sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang bên có TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- *Doanh thu bán hàng nội bộ:*

Theo Hoá đơn GTGT số 0234739 ngày 30/12/2009 (*Biểu số 2.7*), Xí nghiệp Vật tư và Vận tải cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV thuê kho để hàng dự trữ - TKV với số tiền 20.337.916 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%.

Trình tự nhập và thao tác nhập liệu “Hoá đơn GTGT” trên máy tương tự như ở phần kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Máy sẽ tự động chuyển các số liệu vào các sổ kế toán liên quan đã cài đặt sẵn như: Sổ chi tiết TK 512 (*Biểu số 2.8*), Nhật ký chứng từ số 10 (Ghi có TK 512) (*Biểu số 2.9*), Sổ cái TK 512 (*Biểu số 2.10*),...

Biểu số 2.7:

<b>TẬP ĐOÀN CN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>		<b>HOÁ ĐƠN (GTGT)</b>		<b>Mẫu số: 01 GTKT-3LL</b>	
Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội		Liên 3: Thanh toán nội bộ		Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC	
Mã số thuế: 5700100256		Ngày 30 tháng 12 năm 2009		Ngày 13/3/2006 của Cục thuế TP Hà Nội	
<b>TKV</b>				<b>Ký hiệu: AA/2007T</b>	
				<b>Số: 0 2 3 4 7 3 9</b>	
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV-XN VẬT TƯ&VẬN TẢI		Số tài khoản:.....			
Địa chỉ: ..... <b>Số 4 Cù Chính Lan – Hải Phòng</b>		Số tài khoản:.....			
Điện thoại: ..... <b>MST: 0 2 0 0 1 7 0 6 5 8 0 0 1</b>		MST:.....			
Họ tên người mua: Đỗ Quốc Anh.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV.....					
Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót – Hà Nội Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:....CK..... MST: ...6200170658.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phí lưu kho hàng dự trữ TKV T12/09				20.337.916
Cộng tiền hàng:					20.337.916
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.033.792
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>22.371.708</b>
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu ba trăm bảy một ngàn bảy trăm linh tám đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.8:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Dư nợ đầu kỳ	<b>0</b>
Phát sinh nợ	<b>20.337.916</b>
Phát sinh có	<b>20.337.916</b>
Dư nợ cuối kỳ	<b>0</b>

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
31/12	0234587	Phí lưu kho hàng dự trữ tháng 12/2009 (Công ty CP Đầu tư Thương Mại và Dịch vụ - TKV)	1361		20.337.916
31/12	146	Kết chuyển nội bộ hàng dự trữ 5123----> 911N3	911N3	20.337.916	

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**



**Biểu số 2.9:**

CN CTY CP ĐTTM&amp;DV – TKV – XN VẬT TƯ&amp; VẬN TẢI

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10****Ghi Có Tài khoản: 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ****Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

<b>Ngày</b>	<b>Cộng Ps Nợ</b>	<b>TK Có 911</b>	<b>Cộng ps Có</b>	<b>TK Nợ 136</b>
30/12			20.337.916	20.337.916
31/12	20.337.916	20.337.916		
<b>Cộng</b>	<b>20.337.916</b>	<b>20.337.916</b>	<b>20.337.916</b>	<b>20.337.916</b>

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng***(Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)*

Để xem Sổ cái TK 512, trên menu trên màn hình chính kế toán chọn “Báo cáo”, xuất hiện hộp thoại chọn tiếp mục “Báo cáo tài chính”, sau đó chọn “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu TK (ví dụ TK 512), chọn quý năm cần xem (ví dụ cần xem quý 4 năm 2009), xong nhấn “nhận”, xuất hiện màn hình Sổ cái TK 512. Để in ra Sổ cái TK 512 (*Biểu số 2.10*) nhấn phím F7.

Cuối kỳ, sau khi kiểm tra tính khớp đúng trên các sổ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ sang Bên Có TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, tức là ở kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập xuất tồn về mặt số lượng còn ở phòng kế toán thì kế toán sử dụng sổ chi tiết hàng hoá để phản ánh tình hình biến động tăng giảm theo từng điểm danh hàng hoá và bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn hàng hoá trong kỳ.

Xí nghiệp hạch toán giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh, theo đó trị giá của hàng xuất bán trong kỳ được tính như sau:

**Trị giá vốn hàng bán = Số lượng hàng xuất bán x Đơn giá hàng nhập kho**

❖ *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu xuất kho (Mẫu 01 – VT).

**❖ Tài khoản sử dụng:**

Phản ánh giá vốn của hàng xuất bán trong kỳ, kế toán sử dụng TK 632 “Giá vốn hàng bán”. Trong đó:

TK 6321: Giá vốn hàng hoá, vật tư

TK 6322: Giá vốn vận tải bộ

TK 6323: Giá vốn vận tải thuỷ

TK 6324: Giá vốn sửa chữa thuỷ

TK 6325: Giá vốn tiếp nhận

TK 6327: Giá vốn bốc xúc đất đá

TK 6328: Giá vốn BHLĐ.

**❖ Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán.****Ví dụ minh họa:**

Ngày 25/12/2009, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải bán 20.082 kg thép tròn  $\Phi$  6 - Hoà Phát cho Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV (theo Hoá đơn GTGT số 0234733) với với số tiền là 281.148.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 5%.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế đã ký kết và Hoá đơn GTGT, kế toán lập “Phiếu xuất kho” trên máy, trình tự như sau:

- Từ menu chính trên màn hình giao dịch / “Giao dịch”/ “Xuất hàng hoá”. Sau giây lát màn hình hiện ra các số phiếu xuất kho trước đó. Ấn enter, hiện ra số phiếu xuất kho gần nhất. Ấn F4 tạo ra số phiếu xuất kho tiếp theo (số 157)

- Nhập ngày CT, họ tên người nhận hàng, diễn giải,...

- Kích chuột vào dòng đối tượng, màn hình danh sách đối tượng hiện ra, chọn đối tượng cần nhập (Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV), ấn enter xuất hiện danh mục kho, chọn tiếp tên kho (kho ông Lực).

- Ấn enter màn hình hiện các mã hàng trong kho đã chọn ở trên, chọn hàng cần xuất (thép tròn phi  $\Phi$  6- Hoà Phát). Nhấn enter các cột đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền máy tự động ghi.

Biểu số 2.10:

**CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 512**

**QUÝ: 4 NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
<b>Dư đầu</b>										
<b>Tổng ps</b>	<b>106.976.652</b>	<b>106.976.652</b>	<b>21.012.723</b>	<b>21.012.723</b>	<b>65.626.013</b>	<b>65.626.013</b>	<b>20.337.916</b>	<b>20.337.916</b>	<b>5.364.061.868</b>	<b>5.364.061.868</b>
<b>Dư cuối</b>										
1361		106.976.652		21.012.723		65.626.013		20.337.916		5.364.061.868
911N2									1.937.275.300	
911N3	106.976.652		21.012.723		65.626.013		20.337.916		621.827.429	
911N4									2.804.959.139	

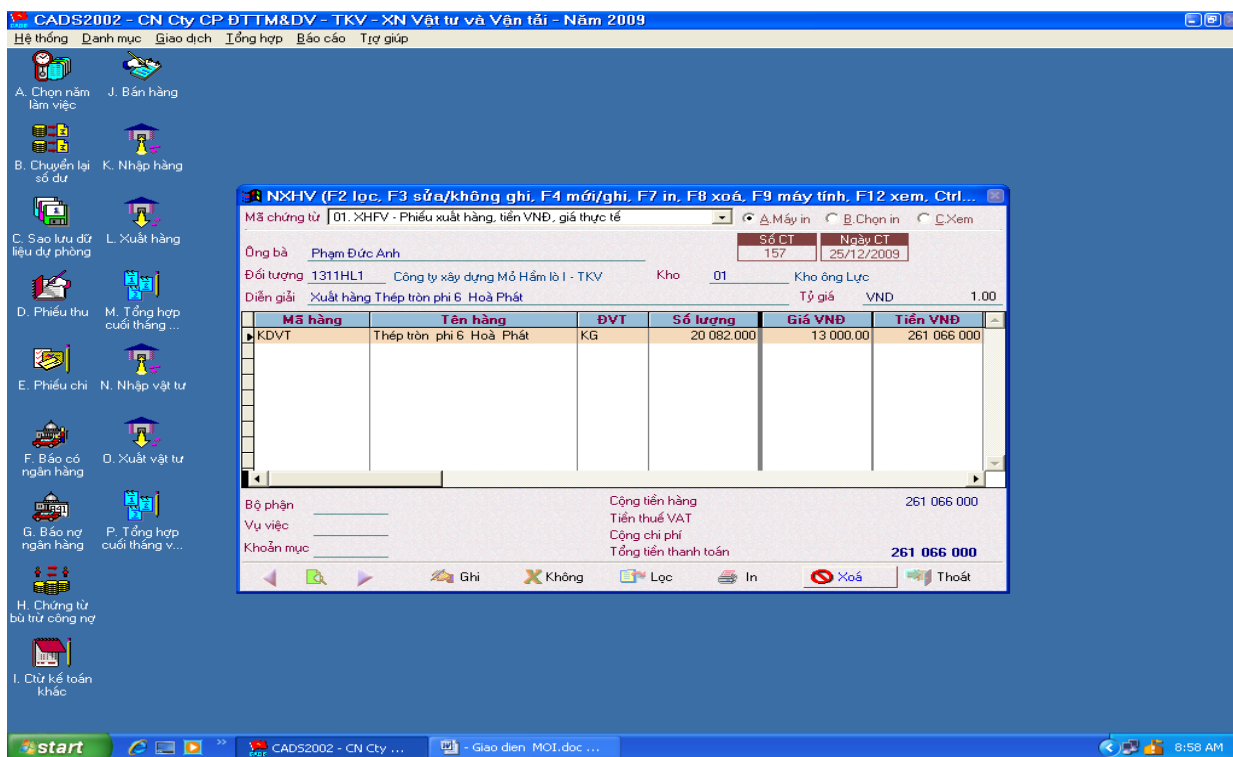
Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp - năm 2009)

Nội dung phiếu xuất kho được thể hiện trên màn hình như sau:



- Nhập xong nhấn phím F10 để lưu.
- Ấn phím F7 để in Phiếu xuất kho (Biểu số 2.11).

Sau đó, máy sẽ tự động chuyển số liệu vào sổ chi tiết TK 6321 (Biểu số 2.12), Bảng kê chứng từ TK 632 (Biểu số 2.13), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi Có TK 632),....

Trên thanh menu chính của màn hình giao diện CADS 2002, kế toán vào mục “Tổng hợp” / “Tổng hợp cuối tháng”, xuất hiện một hộp thoại, kế toán chọn tháng cần tổng hợp (Ví dụ: chọn tháng 12). Sau khi ấn “nhận”, máy sẽ tự động tổng hợp số liệu chuyển vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.15),...

Cuối kỳ, kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động trên máy, chọn bút toán kết chuyển từ TK 632 sang TK 911 để xác định kết quả.

Biểu số 2.11:

CN CTCPĐTTM&amp;DV-TKV

Mẫu số 02 - VT

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Số: 157

Nợ : 6321

Có : 1561

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Đức Anh Địa chỉ (bộ phận): phòng Kinh doanh I
- Lý do xuất kho: Xuất bán hàng thép tròn Φ6 (Hoà Phát).....
- Xuất tại kho:....Ông Lục.....Địa điểm .....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tròn Φ6 (Hoà Phát)	KDVT	kg	20.082	20.082	13.000	261.066.000
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>261.066.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ.

Xuất, ngày 25 tháng 12 năm 2009

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp – Năm 2009)

Để xem Sổ chi tiết TK 6321, từ màn hình giao diện CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo”, chọn tiếp mục “Báo cáo quản trị chung” xuất hiện hộp thoại, chọn dòng “Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng”, rồi nhập tên TK (6321), tháng năm cần xem (Ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Sổ chi tiết TK 6321. Ấn phím F7 để in ra sổ chi tiết TK 6321 (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.12:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 6321 – Giá vốn hàng hoá

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	7.075.831.959
Phát sinh có	7.075.831.959
Dư nợ cuối ngày	0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
...	...	.....	...	...	
25/12	234733	Bán cáp thép không mạ (Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò I – TKV)	1561	261.066.000	
...	...	.....	...	...	
31/10	159	Kết chuyển giá vốn hàng hoá, vật tư 63211 → 91111	91111		6.902.729.668
31/12	160	Kết chuyển giá vốn hàng hoá – Công ty 63212 → 91112	91112		173.102.291

Ngày ... tháng... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Để xem Bảng kê chứng từ TK 632, từ màn hình giao diện CADs 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo”, chọn tiếp mục “Báo cáo quản trị chung” xuất hiện hộp thoại, kích vào mục “Bảng kê chứng từ một tài khoản”, rồi nhập tên TK (632), tháng năm cần xem (Ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Bảng kê chứng từ TK 632. Ấn phím F7 để in ra Bảng kê chứng từ TK 632 (Biểu số 2.13).

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Phát sinh nợ 27.812.814.095

Phát sinh có 27.812.814.095

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
<b>Chi phí SXKD dở dang VTB hàng dự trữ (15422)</b>					
.....	.....	.....	.....	1.384.173.575	
<b>Chi phí SXKD dở dang vận tải thủy (15431)</b>					
.....	.....	.....	.....	507.454.201	
<b>Chi phí SXKD dở dang VC Than (15432)</b>					
.....	.....	.....	.....	16.616.465.968	
<b>Chi phí SXKD dở dang tiếp nhận HH (1546)</b>					
31/12	108KCCP	Kết chuyển chi phí hàng tiếp nhận	1546	1.980.129.714	
.....	.....	.....	.....	1.980.129.714	
<b>Chi phí SXKD dở dang – Hàng DT (154N3)</b>					
31/12	107/KCCP	Kết chuyển CP kho bãi cầu cảng	154N3	106.976.652	
.....	.....	.....	.....	106.976.652	
<b>Thành phẩm (155)</b>					
.....	.....	.....	.....	141.782.026	
<b>Hàng hoá kinh doanh (1561)</b>					
25/12	234733	Công ty xây dựng Hầm Lò I – TKV (Bán hàng cấp thép không mạ)	1561	261.066.000	
.....	.....	.....	.....	7.075.831.959	
.....	.....	.....	.....		
.....	.....	.....	.....		

Ngày...tháng ...năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải – Năm 2009)

Để xem Sổ cái TK 632, trên menu trên màn hình chính kế toán chọn “Báo cáo”, xuất hiện hộp thoại chọn tiếp mục “Báo cáo tài chính”, sau đó chọn “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc theo năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu tài khoản (ví dụ TK 632), chọn quý năm cần xem (ví dụ cần xem quý 4 năm 2009), xong nhấn “nhận”, xuất hiện Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.14), để in nhấn phím F7, để thoát nhấn Esc.

Biểu số 2.14:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 632**

**QUÝ: 4 NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
Dư đầu										
Tổng ps	74.626.687.334	74.626.687.334	22.156.768.406	22.156.768.406	24.657.104.833	24.657.104.833	27.812.814.095	27.812.814.095	268.966.423.680	268.966.423.680
Dư cuối										
...	...		...		...		...		...	
1561	18.231.329.070		6.271.024.326		4.884.472.875		7.075.831.959		39.959.755.655	
91111		17.206.347.770		5.590.233.917		4.713.384.185		6.902.729.668		35.954.964.418
...	...		...		...		...		...	
91122		2.566.407.477		1.124.810.882		57.423.020		1.384.173.575		7.000.521.614
91131		1.763.141.606		775.669.301		480.018.104		507.454.201		9.564.084.178
91132		48.666.814.954		13.474.061.703		18.576.287.283		16.616.465.968		198.608.469.258
9116		2.947.851.871		394.618.434		573.103.723		1.980.129.714		8.396.604.158
91181		1.024.981.300		680.790.409		171.088.600		173.102.291		4.009.563.964
91182		344.165.704		116.583.760		85.799.918		141.782.026		1.297201.261
911N3		106.976.652						106.976.652		300.612.342
...		...		...		...		...		...

Ngày ..... tháng ..... năm ....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng



**2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Chi phí bán hàng tại Xí nghiệp bao gồm các loại chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ như: Chi phí vật liệu, chi phí nhân viên bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi phí vận chuyển hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Xí nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật dụng văn phòng, chi phí dụng cụ đồ dùng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí khoán nộp công ty, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, fax...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, công tác phí...).

**❖ Chứng từ sử dụng:**

Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng, Hoá đơn GTGT, Giấy đề nghị thanh toán, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích khấu hao TSCĐ,...

**❖ Tài khoản sử dụng:**

- Để hạch toán chi phí bán hàng Xí nghiệp sử dụng TK 641; Trong đó:
  - + TK 6411: Chi phí bán hàng hoá
  - + TK 6415: Chi phí bán hàng cầu cảng kho bãi
  - + TK 6416: Chi phí bán hàng tiếp nhận
  - + TK 6418: Chi phí bán hàng BHLĐ
  - + TK 641K: Chi phí bán hàng khác
  - + TK641N: Chi phí bán hàng nội bộ.
- Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp Xí nghiệp sử dụng TK 642.

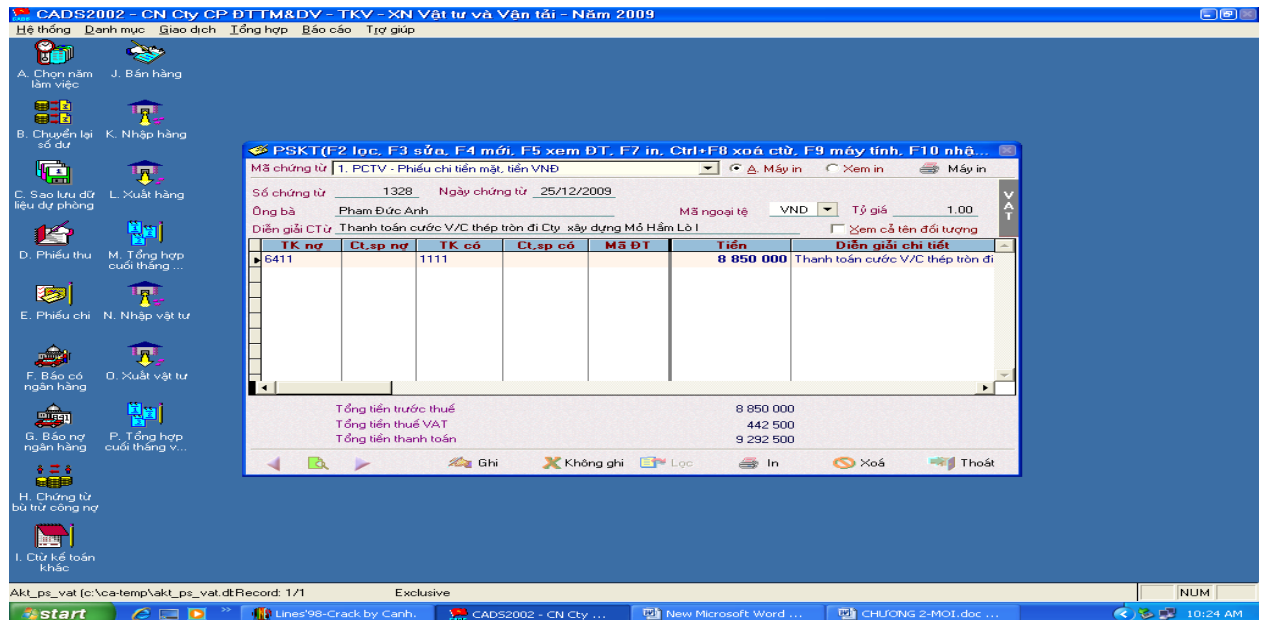
**❖ Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.****Ví dụ minh họa:****• Chi phí bán hàng:**

Ngày 29/12/2009, Xí nghiệp trả tiền cước vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Thịnh Phát theo Hoá đơn GTGT số 83370 với số tiền 9.292.500 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Khi nhận được Giấy đề nghị thanh toán đã được phê duyệt của chú Phạm Đức Anh – cán bộ phòng kinh doanh I gửi đến, kế toán lập “Phiếu chi” trên máy như sau: Trên màn hình giao diện CADS 2002, kế toán nháy chuột vào mục “Giao dịch” / “Chứng từ kế toán” màn hình sẽ xuất hiện các danh mục, nháy đúp vào mục

“Phiếu chi” sẽ xuất hiện số phiếu chi gần nhất (Phiếu chi 1328), nhấn F4 tạo phiếu chi mới (Phiếu chi 1328). Sau đó kế toán tiến hành nhập: tên người nhận tiền (Phạm Đức Anh), diễn giải chứng từ (Thanh toán tiền vận chuyển hàng) sau đó nhấn enter để nhập số tiền (8.850.000 đồng), sau đó kích chuột vào biểu tượng VAT để nhập thuế suất thuế VAT, xong nhấn F10 lưu.

**Màn hình giao diện Phiếu chi**



Sau khi nhập xong dữ liệu kế toán ấn F7 để in ra Phiếu chi (Biểu số 2.15).

Biểu số 2.15:

**Đơn vị: CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI**  
**Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan – P.Minh Khai – Q.Hồng Bàng – TP.Hải Phòng**  
**Mã số thuế: 0200170658001**

**Mẫu số 02 – TT**  
 Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 1328

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

<b>Nợ: 6411</b>	8.850.000
<b>1331</b>	442.500
<b>Có: 1111</b>	9.292.500

Người nhận tiền: **Phạm Đức Anh**

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh I

Lý do chi: Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng cho Công ty CP TM Vận tải Thịnh Phát

Số tiền: **9.292.500** Bằng chữ: **Chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng.**

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng.*

Số liệu sẽ được phần mềm sẽ tự động chuyển vào Sổ chi tiết TK 641 (Biểu số 2.16), Bảng kê chứng từ TK 641 (Biểu số 2.17), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 641), Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.18), ...

Sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Để xem Sổ chi tiết TK 641, từ màn hình giao diện chính của CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo” / “Báo cáo quản trị chung”/ “Sổ chi tiết TK theo TK đối ứng”, sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK (641), ngày tháng năm cần xem (ví dụ muốn xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Sổ chi tiết TK 641 (Biểu số 2.16), ấn phím F7 để in, ấn phím Esc để thoát.

Biểu số 2.16:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Dư nợ đầu ngày 0  
 Phát sinh nợ 664.923.344  
 Phát sinh có 664.923.344  
 Dư nợ cuối ngày 0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
...	...	...	...	...	...
29/12	1328	Cước vận chuyển hàng(Phạm Đức Anh)	1111	8.850.000	
...	...	...	...	...	...
31/12	157	KC chi phí bán hàng KDVTTB 6411 → 91111	91111		596.425.622
31/12	158	KC chi phí bán hàng BHLĐ –KD 64181	91181		43.828.727
31/12	159	KC chi phí bán hàng BHLĐ –KD 64182	91182		24.668.995
...	...	...	...		...

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

Biểu số 2.17:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**  
Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Phát sinh nợ 664.923.344  
Phát sinh có 664.923.344

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
<b>Tiền mặt (1111)</b>					
				200.216.272	
<b>Tiền gửi VND - NH Hồng Bàng (1121)</b>					
28/12	28/283	Trả tiền chi phí hội nghị HD; 13097)	1121	77.050.000	
				<b>77.050.000</b>	
<b>Tiền gửi VND - NH Hồng Bàng (1123)</b>					
19/12	19/PCT	Phí chuyên tiền Quốc tế	1123	1.212.943	
				<b>1.212.943</b>	
<b>Tiền gửi VND - NH TMCP Quân Đội – CN Hải Phòng (1126)</b>					
				74.504.131	
<b>Tạm ứng (141)</b>					
				27.070.000	
<b>Nhiên liệu (1522)</b>					
				8.859.968	
<b>Tiền lương thực trả (3341)</b>					
				107.449.009	
<b>Tiền ăn công nghiệp (3242)</b>					
				9.680.000	
<b>Quỹ tiền thưởng trong lương (3343)</b>					
				9.153.779	
<b>Quỹ tiền lương dự phòng (3344)</b>					
				22.884.448	
<b>Quỹ tiền lương phải nộp cấp trên (3345)</b>					
				7.832.601	
<b>Kinh phí công đoàn (3382)</b>					
				4.460.682	
<b>Bảo hiểm xã hội (3383)</b>					
				6.856.200	
<b>Bảo hiểm y tế (3384)</b>					
				914.160	

Ngày...tháng ...năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp – Năm 2009)

*Biểu số 2.18:*

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 641**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Luỹ kế Ps Nợ	Luỹ kế Ps Có
Dư đầu										
Tổng ps	1.141.829.974	1.141.829.927	215.277.895	215.277.895	261.628.735	261.628.735	664.923.344	664.923.344	3.196.970.946	3.196.970.946
Dư cuối										
1111	344.492.223		24.659.428		119.616.523		200.216.272		1.102.976.839	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
91111		979.492.004		168.061.636		215.004.746		596.425.622		2.627.920.076
9116										10.909.092
91181		112.992.114		31.783.807		37.379.580		43.828.727		380.181.107
91182		49.345.856		15.432.452		9.244.409		24.668.995		177.960.671

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

*(Nguồn: Phòng tài chính kế toán – Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)*

• Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Theo Hoá đơn GTGT số 0009775 ngày 09/12/2009, Bà Bùi Thị Loan phòng Tổ chức hành chính mua 01 chiếc Notebook Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Hồng cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải của với giá thanh toán là 1.753.500 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 5%) để sửa chữa máy vi tính.

Khi nhận được Giấy đề nghị thanh toán đã được phê duyệt của bác Bùi Thị Loan (cán bộ phòng KD I) gửi đến, kế toán lập “Phiếu chi” trên máy (thao tác nhập liệu tương tự như kế toán chi phí bán hàng).

Sau khi nhập xong dữ liệu kế toán ấn F7 để in ra Phiếu chi (Biểu số 2.19).

Biểu số 2.19:

**Đơn vị:** CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI  
**Địa chỉ:** Số 4 Cù Chính Lan – P.Minh Khai – Q.Hồng Bàng – TP.Hải Phòng  
**Mã số thuế:** 0200170658001

**Mẫu số 02 – TT**  
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 1328

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

<b>Nợ: 642</b>	1.670.000
<b>Nợ: 1331</b>	83.500
<b>Có: 1111</b>	1.753.500

Người nhận tiền: **Bùi Thị Loan**

Địa chỉ: Phòng Tổ chức hành chính

Lý do chi: Sửa chữa máy vi tính

Số tiền: **1.753.500** Bằng chữ: **Một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn./.**

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
	<b>trưởng</b>	<b>trưởng</b>	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn./.*

(*Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải*)

Số liệu sẽ được phần mềm sẽ tự động chuyển vào Sổ chi tiết TK 642 (Biểu số 2.20), Bảng kê chứng từ TK 642 (Biểu số 2.21), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 642), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.22)...

Sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Để xem Sổ chi tiết TK 642, từ màn hình giao diện chính của CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo” / “Báo cáo quản trị chung”/ “Sổ chi tiết TK theo TK đối ứng”, sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK (642), ngày tháng năm cần xem (ví dụ muốn xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Sổ chi tiết TK 642 (*Biểu số 2.20*), ấn phím F7 để in, ấn phím Esc để thoát.

Biểu số 2.20:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu ngày **0**  
 Phát sinh nợ **4.385.322.757**  
 Phát sinh có **4.385.322.757**  
 Dư nợ cuối ngày **0**

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
...	...	.....	...	....	
09/12	1223	Sửa chữa máy tính (Bùi Thị Loan)	1111	1.670.000	
...	...	.....	...	....	
31/12	01KCCPQL	Kết chuyển chi phí quản lý Kết chuyển chi phí quản lý	9116 91132		584.080.868
31/12	ĐCTKT	Hạch toán lại phí khoản nộp Công ty theo biên bản kiểm toán (Phí nộp Công ty theo quy chế khoán)	91111 91122 91132 9115 9116		114.987.880 15.336.500 502.440.043 5.694.279 236.348.894
31/12	DDCTKT	Hạch toán lại số phiếu 111 nộp cho Công ty	91111 91122 91132 9115 9116		81.311.912 23.196.627 922.174.815 25.616.998 400.892.052
...	....	.....	...	....	....

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(*Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải*)

Để xem Bảng kê chứng từ TK 642, từ màn hình giao diện chính của CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo”/ “Báo cáo quản trị chung”/ “Bảng kê chứng từ”, rồi nhấn “nhận”, màn hình sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK (642), nhập ngày tháng năm cần xem (ví dụ muốn xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Bảng kê chứng từ TK 642, ấn phím F7 để in, ấn phím Esc để thoát.

**Biểu số 2.21:**

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**  
**Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Phát sinh nợ                    **4.385.322.757**  
 Phát sinh có                    **4.385.322.757**

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
<b>Tiền mặt (111)</b>					
.....	.....	.....	.....	219.058.287	
<b>Tiền gửi VNĐ NH Hồng Bàng (1121)</b>					
.....	.....	.....	.....	28.813.637	
<b>Tiền gửi VNĐ NH Ngoại thương (1122)</b>					
.....	.....	.....	.....	56.195	
<b>Tiền gửi VNĐ NH TMCP Quân Đội – CN Hải Phòng (1126)</b>					
.....	.....	.....	.....	4.785.036	
<b>Nhiên liệu (1522)</b>					
.....	.....	.....	.....	15.809.424	
<b>Văn phòng phẩm (1524)</b>					
29/12	122	Xuất văn phòng phẩm T12/2009	1524	4.173.500	
				<b>4.173.500</b>	
<b>Công cụ, dụng cụ (153)</b>					
.....	.....	.....	.....	24.026.958	
<b>Hao mòn TSCĐ (214)</b>					
31/12	TKH	Trích khấu hao T12/2009	214	46.166.803	
				<b>46.166.803</b>	
<b>Phải trả cho người bán ngoài TKV (3312)</b>					
.....	.....	.....	.....	21.728.000	
<b>Thuế nhà đất (33371)</b>					
21/12	TD	Trích thuế đất T12/2009	33371	22.728.920	
				<b>22.728.920</b>	
<b>Tiền lương thực trả (3341)</b>					
.....	.....	.....	.....	.....	



				<b>276.508.651</b>	
<b>Tiền ăn công nghiệp (3342)</b>					
				<b>22.284.000</b>	
<b>Quỹ tiền thưởng trong lương (3343)</b>					
30/12	02	Trích tiền thưởng trong T12/2009	3343	41.042.623	
				<b>41.042.623</b>	
<b>Quỹ tiền lương dự phòng (3344)</b>					
				<b>962.995.695</b>	
<b>Quỹ tiền tiền lương phải nộp cấp trên (3345)</b>					
30/12	04	Phân bổ tiền lương nộp cấp trên	3345	20.933.220	
				<b>20.933.220</b>	
<b>Quỹ lương (3346)</b>					
30/12	05	Phân bổ tiền lương bổ sung T12/2009	3346	252.402.679	
				<b>252.402.679</b>	
<b>Các khoản phải trả khác (3362)</b>					
				<b>2.310.500.000</b>	
<b>Kinh phí công đoàn (3382)</b>					
30/12	13	Trích KPCĐ (2%) T12/2009	3382	39.623.326	
				<b>39.623.326</b>	
<b>Bảo hiểm xã hội (3383)</b>					
30/12	11	Trích BHXH 15% vào CPSX T12/2009	3383	43.782.549	
				<b>43.782.549</b>	
<b>Bảo hiểm y tế (3384)</b>					
30/12	12	Trích BHYT 2% vào CPSX T12/2009	3384	7.483.064	
				<b>7.483.064</b>	
<b>Kinh phí hoạt động Đảng (3385)</b>					
30/12	10	Trích KPHĐ Đảng T12/2009	3385	12.940.412	
				<b>12.940.412</b>	
<b>Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (351)</b>					
30/12	20	Trích lập quỹ dự phòng mất việc làm T12/2009 (QLBH*3%)	351	13.181.415	
				<b>13.181.415</b>	
.....					
....	....	.....	....		....

Ngày...tháng ...năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp – Năm 2009)

Để xem Sổ cái TK 642, trên thanh menu chính của màn hình CADS 2002 kế toán chọn “Báo cáo”/ “Báo cáo tài chính”/ “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu tài khoản (TK 642), chọn quý năm cần xem (ví dụ xem quý 4 năm 2009), xong nhấn “nhận”, xuất hiện Sổ cái TK 642. Để in sổ cái TK 642 (*Biểu số 2.22*) nhấn phím F7.

*Biểu số 2.22:*

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 642**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
<b>Dư đầu</b>										
<b>Tổng ps</b>	<b>5.616.840.833</b>	<b>5.616.840.833</b>	<b>687.287.757</b>	<b>687.287.757</b>	<b>544.230.319</b>	<b>544.230.319</b>	<b>4.385.322.757</b>	<b>4.385.322.757</b>	<b>12.978.894.994</b>	<b>12.978.894.994</b>
<b>Dư cuối</b>										
1111	448.248.810.		127.034.591		102.155.932		219.058.287		1.368.370.056	
....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....
91111		196.299.792						196.299.792		209.452.464
91122		38.533.127						38.533.127		190.973.989
91132		4.128.579.823		687.007.757		543.965.319		2.897.606.747		8.632.806.124
9115		31.311.277						31.311.277		106.326.408
9116		1.221.321.814						1.221.321.814		2.101.362.408
911N2										648.509.497
911N3										321.215.087
911N4										763.256.663

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán trưởng**

**2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Doanh thu hoạt động tài chính tại Xí nghiệp phát sinh chỉ gồm lãi tiền gửi ở các Ngân hàng mà Xí nghiệp mở TK giao dịch.

Chi phí hoạt động tài chính tại Xí nghiệp chủ yếu gồm: lãi tiền vay ngân hàng, lãi vay vốn đầu tư, lãi vay ngắn hạn khác, lỗ tỷ giá ngoại tệ.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Với doanh thu hoạt động tài chính: Chứng từ sử dụng gồm có Giấy báo lãi của ngân hàng, Bảng sao kê tài khoản chi tiết của ngân hàng.

- Với chi phí hoạt động tài chính: Chứng từ sử dụng gồm có Hợp đồng tín dụng, Khế ước vay, Giấy báo Nợ của ngân hàng, Giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi,...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

- TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

❖ **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.****Ví dụ minh họa:**• **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Ngày 31/12/2009 Xí nghiệp Vật tư và Vận tải nhận được Giấy báo lãi (biểu số 2.23) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng thông báo về số lãi tiền gửi mà Xí nghiệp nhận được tính đến cuối ngày 31/12/2009 là 10.216.676 VND.

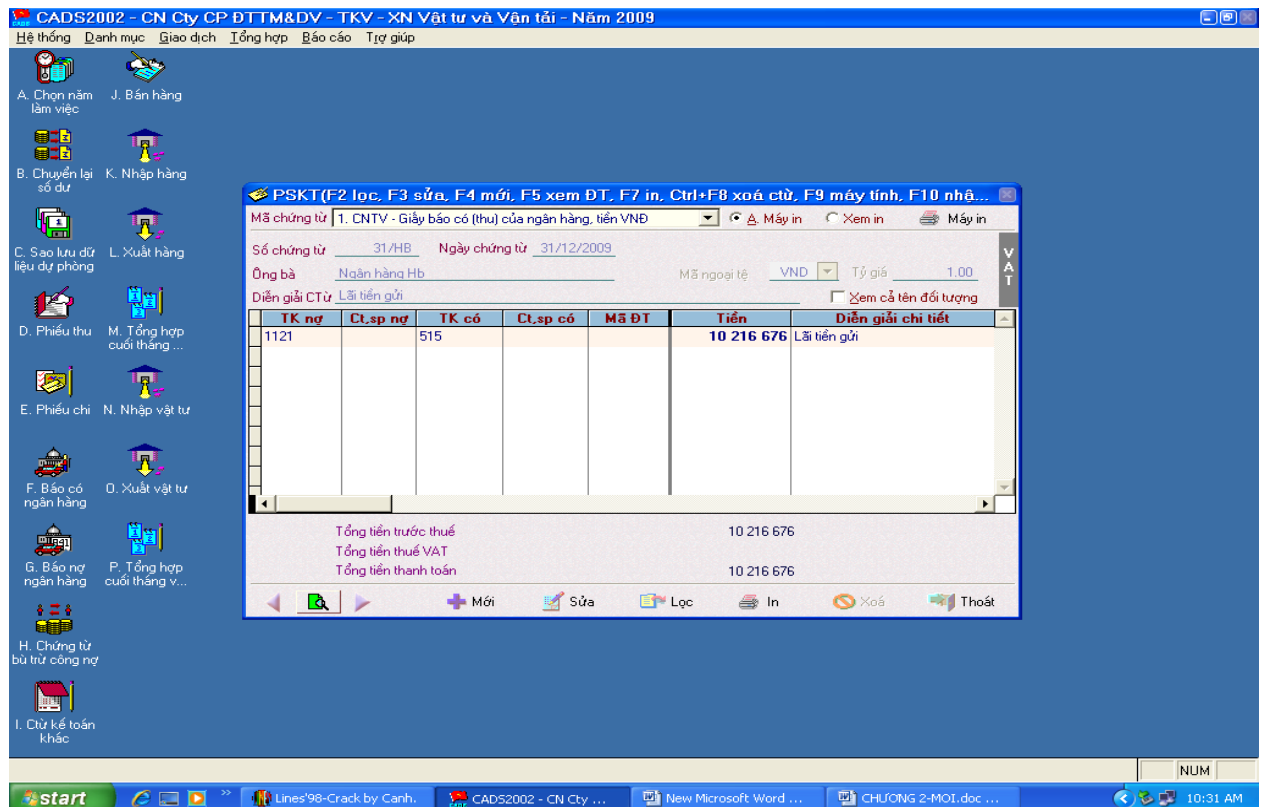
**Biểu số 2.23:**

<b>VietinBank</b>	<b>Branch: 00166</b>	<b>DD 035P</b>
<b>Branch: 00166</b>	<b>CN HONG BANG-NHTMCP CONG THUONG VN</b>	
<b>GIAY BAO LAI</b>		
<b>(Tu ngay 01/12/2009 den het ngay 31/12/2009)</b>		
<b>Chung toi da tinh lai den cuoi ngay 31/12/2009 tai khoan so:</b>		<b>102010000213174</b>
<b>no tai ngan hang chung toi voi lai suat va so tien nhu sau:</b>		
<b>Lai suat (% nam):</b>	<b>2.400000000</b>	<b>So tien lai: 10,216,676.00 VND</b>
<b>Ngan hang: CN HONG BANG-NHTMCP CONG THUONG VN</b>		
<b>Kinh bao</b>		
<b>Giao dich vien</b>	<b>Kiem soat vien</b>	<b>Ke toan trung</b>

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Căn cứ vào Giấy báo Có về lãi tiền gửi của ngân hàng kế toán tiến hành nhập liệu trên máy vi tính. Trên thanh menu chính của màn hình giao diện CADS 2002, kế toán vào “Chứng từ kế toán” biểu tượng “Báo Có ngân hàng”, sau giấy lát màn hình hiện lên “Giấy báo có”. Ấn F4 tạo mới, kế toán nhập các nội dung: Số CT, Ngày CT, Ngân hàng giao dịch, diễn giải. Sau đó ấn enter nhập tiếp TK nợ, TK có, số tiền. Nhập xong kế toán ấn F10 để lưu.

**Nội dung Giấy báo có được thể hiện trên phần mềm như sau:**



Máy sẽ tự động chuyển số liệu đến các sổ đã cài đặt trước như: Sổ chi tiết TK 515 (biểu số 2.24), Nhật ký chứng từ số 10(ghi Có TK 515) (biểu số 2.25), Sổ cái TK 515 (biểu số 2.26),...

Sau khi kiểm tra tính khớp đúng giữa các sổ, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.24:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Dư nợ đầu ngày 0  
 Phát sinh nợ 23.137.676  
 Phát sinh có 23.137.676  
 Dư nợ cuối ngày 0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
25/12	25/QĐ	Lãi tiền gửi(Ngân hàng Quân Đội)	1126		7.945.573
31/12	31/HB	Lãi tiền gửi(Ngân hàng Hồng Bàng)	1121		10.216.676
31/12	31/HT	Lãi tiền gửi(Ngân hàng Ngoại Thương)	1122		4.895.723
31/12	31/TECH	Lãi tiền gửi(Ngân hàng Tech)	1123		79.704
31/12	156	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911C	23.137.676	

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

( Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Để xem Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 515), từ màn hình giao diện chính của CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo” chọn tiếp “Báo cáo Nhật ký chứng từ”, sau đó kích chuột vào mục “Nhật ký chứng từ số 10”, sẽ xuất hiện hộp thoại màn hình sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK(515), nhập ngày tháng năm cần xem (ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Nhật ký chứng từ số 10 ghi có TK 515 (Biểu số 2.25), ấn phím F7 để in.

Biểu số 2.25:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10**

Ghi Có Tài khoản: 515 – Doanh thu tài chính

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Ngày	Cộng Ps Nợ	TK Có 911	Cộng Ps Có	TK Nợ 112
25/12			7.945.573	7.945.573
31/12	23.137.676	23.137.676	15.192.103	15.192.103
<b>Cộng</b>	23.137.676	23.137.676	23.137.676	23.137.676

Ngày ... tháng ... năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 2.26:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 515**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Luỹ kế Ps Nợ	Luỹ kế Ps Có
<b>Dư đầu</b>										
<b>Tổng ps</b>	<b>80.068.206</b>	<b>80.068.206</b>	<b>30.141.235</b>	<b>30.141.235</b>	<b>26.789.295</b>	<b>26.789.295</b>	<b>23.137.676</b>	<b>23.137.676</b>	<b>208.758.793</b>	<b>208.758.793</b>
<b>Dư cuối</b>										
1121		32.763.855		11.516.606		11.030.573		10.216.676		102.361.026
1122		12.960.048		4.912.072		3.152.253		4.895.723		38.731.441
1123		79.704						79.704		79.704
1126		34.264.599		13.712.557		12.606.469		7.945.573		67.586.622
911C	80.068.206		30.141.235		26.789.295		23.137.676		208.758.793	

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

( Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

- Chi phí hoạt động tài chính:

Ngày 23/12/2009, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải trả tiền vay ngắn hạn ngân hàng theo Khế ước số 79483 với số tiền vay là 2.566.676.288 đồng. Theo Phiếu báo Nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ngày 23/12, tiền lãi phải trả của Xí nghiệp theo khế ước trên là 10.658.836 đồng.

Biểu số 2.27:

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI  
Le Chan (LC)

MST KH: 0200170658-001  
MST NH: 0100283873-020

**PHIEU BAO NO**

Ngày: 23/12/2009

GDV:8203\_LCCD1.4

Ma giao dich: FT09357001014227

Nguyen te: VND

Tai khoan/ Khách hang

So tien

Tai khoan No 2521100089006

Du dau: 4,027,755,857

CN CTY CP DT TM VA DV TKV XN VAT TU VA VAN TAI

Du cuoi: 1,450,420,733

Tai khoan Co 2524200010007

CN CTY CP DT TM VA DV TKV XN VAT TU VA VAN TAI

So tien bang chu: So tien: 2,577,335,124

HAI TY NAM TRAM BAY MUOI BAY TRIEU BA TRAM BA MUOI Phi: 0

LAM NGHIN MOT TRAM HAI MUOI BON VIET NAM DONG. Tong tien: 2,577,335,124

Diên giai: CK GOC, LAI TAT TOAN LD 0926600055

KIEM TOAN VIEN

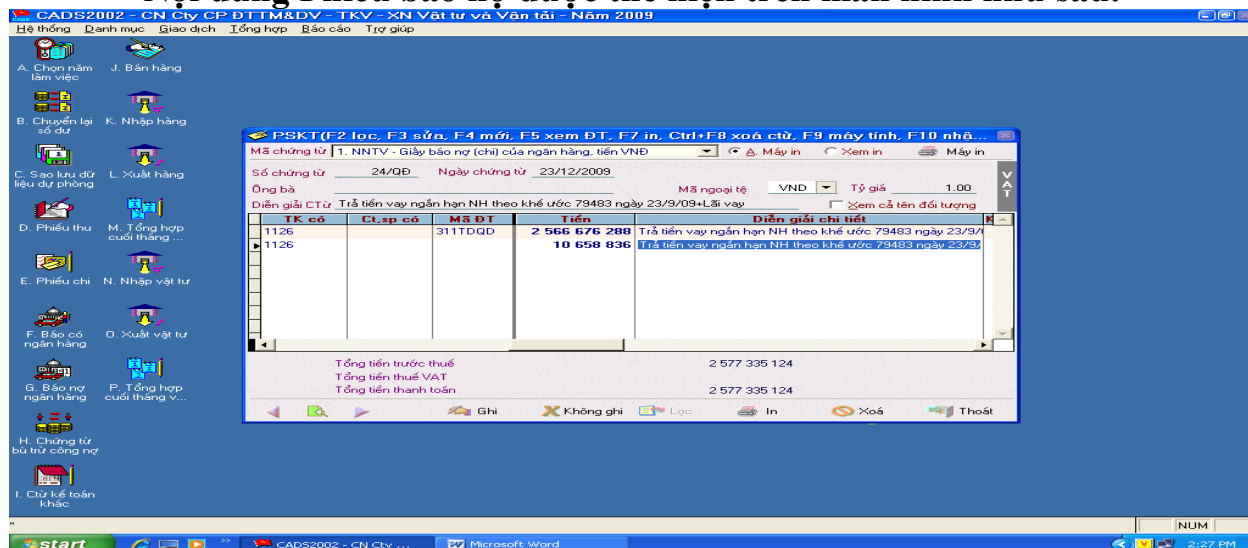
KIEM SOAT VIEN

KE TOAN TRUONG

( Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Căn cứ vào Phiếu báo Nợ kế toán nhập liệu trên máy vi tính. Từ màn hình chính kế toán chọn Biểu tượng “Báo nợ ngân hàng”, xuất hiện hộp thoại thể hiện các Giấy báo Nợ trước đó, nhấn F4 tạo Giấy báo Nợ mới. Trình tự nhập liệu tiếp theo trên Giấy báo Nợ tương tự như trên Giấy báo Có.

**Nội dung Phiếu báo nợ được thể hiện trên màn hình như sau:**



Sau đó, máy sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ như: Sổ chi tiết TK 635 (*Biểu số 2.28*), Bảng kê chứng từ TK 635 (*Biểu số 2.29*), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi Có TK 635), Sổ cái TK 635 (*Biểu số 2.30*),...

Sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

***Biểu số 2.28:***

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG**

**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

**Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính**

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	139.067.697
Phát sinh có	139.067.697
Dư nợ cuối ngày	0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
23/12	23/QĐ	Lãi tiền vay (Ngân hàng Quân Đội)	1126	10.658.836	
31/12	31/HB	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121	8.365.267	
31/12	KCCLTG	HT kết chuyển chi phí chênh lệch tỷ giá	413	97.436.108	
31/12	LVCBT12/ 2009	Lãi vay của CB-CNV T12/2009 HĐ số 225 (Vũ Văn Thương)	3388	16.351.486	
31/12	LVĐT	Lãi vay đầu tư tháng 12/2009 (Lãi vay đầu tư phải nộp Công ty)	3362	6.256.000	
31/12	154	KC chi phí HĐTC 635---> 9111C	911C		139.067.697

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

*(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)*



Biểu số 2.29:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**  
**Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính**

Phát sinh nợ                    **139.067.697**

Phát sinh có                    **139.067.697**

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
<b>NH TMCP Quân Đội – CN Hải phòng (1126)</b>					
23/12	23/QĐ	Lãi tiền vay	1126	10.658.836	
30/12	30/QĐ	Lãi tiền vay	1126	8.365.267	
				<b>19.024.103</b>	
<b>Các khoản phải trả khác (3362)</b>					
31/12	LVĐT	Lãi vay đầu tư phải nộp Công ty (Lãi vay đầu tư tháng 12/2009)	3362	6.256.000	
				<b>6.256.000</b>	
<b>Các khoản phải nộp khác (3388)</b>					
...	...	.....	...	...	
31/12	LVCBT12	Vũ Văn Thương (Lãi vay của CBCNV T12/2009 HĐ số 225)	3388	415.574	
				<b>16.351.486</b>	
<b>Chênh lệch tỷ giá (413)</b>					
31/12	KCCLTG	Hạch toán kết chuyển chi phí chênh lệch tỷ giá	413	97.436.108	
				<b>97.436.108</b>	
<b>Xác định kết quả kinh doanh (911C)</b>					
31/12	154	KC Chi phí HĐTC 635 → 911C	911C		139.067.697
					<b>139.067.697</b>

Ngày...tháng ...năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp – Năm 2009)

Biểu số 2.30:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 635**

**QUÝ: 4 NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
Dư đầu										
Tổng ps	321.343.314	321.343.314	62.258.267	62.258.267	120.017.350	120.017.350	139.067.697	139.067.697	1.030.712.236	1.030.712.236
Dư cuối										
1126	61.994.803		23.864.126		19.106.574		19.024.103		365.901.884	
3362	17.986.000		5.865.000		5.865.000		6.256.000		79.035.833	
3388	66.721.033		32.529.141		17.840.406		16.351.486		319.728.711	
413	174.641.478				77.205.370		97.436.108		266.045.808	
911C		321.343.314		62.258.267		120.017.350		139.067.697		1.030.712.236

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Nội dung của thu nhập khác tại Xí nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền thu từ Công ty Bảo hiểm bồi thường sự cố xảy ra cho các phương tiện,...

Chi phí khác của Xí nghiệp gồm: Chi phí về thanh lý nhượng bán TSCĐ; chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh; các khoản chi phí khác (bồi thường hao hụt vật chuyên than...)

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu thu, Hoá đơn GTGT, Giấy báo có của ngân hàng,...
- Hoá đơn GTGT, Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá,...

❖ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 711 “Thu nhập khác”.
- TK 811 “Chi phí khác”.

❖ *Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.*

**Ví dụ minh họa:**

• Thu nhập khác:

Theo Hoá đơn GTGT số 0234740 ngày 31/12/2009 (Biểu số 2.31), Xí nghiệp Vật tư và Vận tải bán 7830 kg sắt phế liệu cho Nguyễn Anh Hào (khách hàng lẻ) với số tiền là 18.643.230 đồng, thuế suất thuế GTGT 5%.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0234740 ngày 31/12/2009 kế toán tiến hành nhập liệu trên máy.

- Từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CADS 2002, kế toán chọn mục “Giao dịch” vào “Chứng từ kế toán” sau đó lại vào mục “Chứng từ kế toán khác”. Màn hình hiện lên “Phiếu kế toán khác”, ấn F4 (mở mới chứng từ) kế toán tiến hành nhập các dữ liệu và các nội dung: số CT (0234740), ngày CT (31/12/2009), diễn giải CT (Bán sắt phế liệu thu hồi).

- Ấn enter rồi nhập số liệu của hoá đơn: TK Nợ (1312), TK Có (711), Tiền (18.643.230).

- Nhấp chuột vào cột “Mã đối tượng” xuất hiện màn hình “mã đối tượng”, chọn mã đối tượng ứng với đối tượng khách hàng đã được mã hoá cài đặt sẵn.

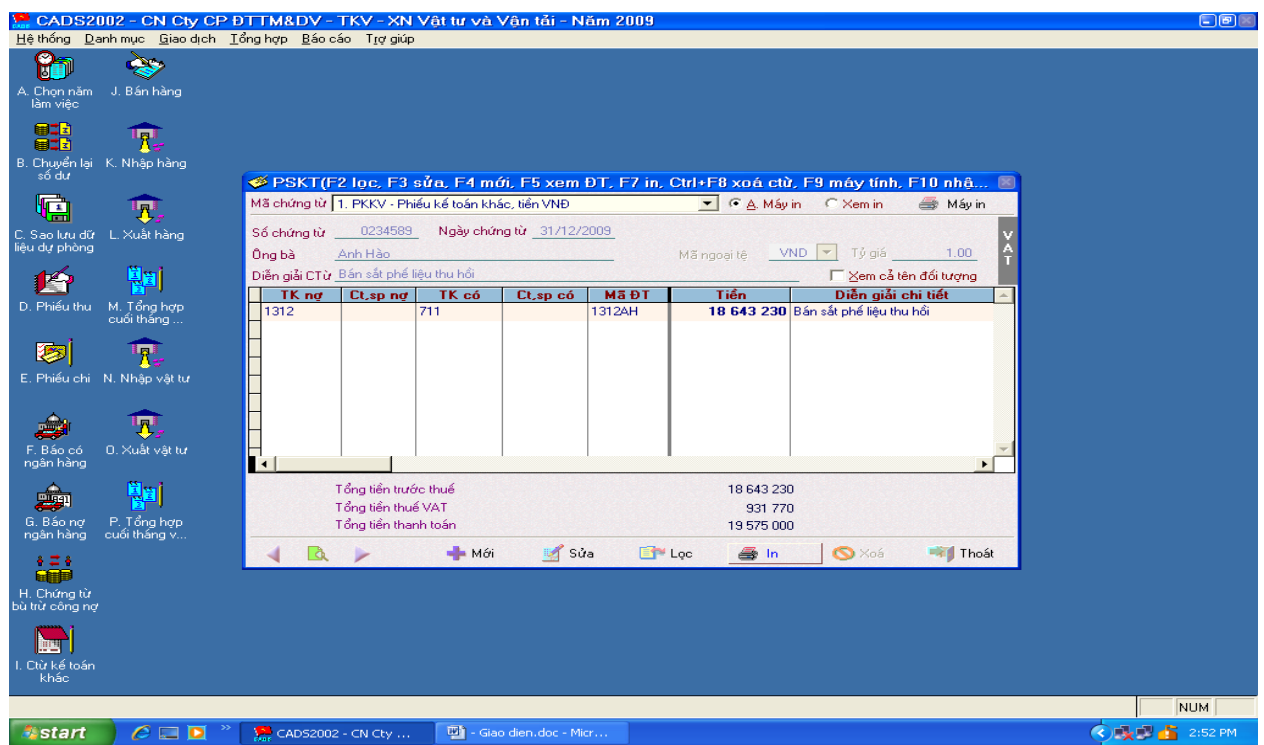
- Để nhập thuế VAT cho chứng từ, kích chuột vào biểu tượng VAT ở góc phải màn hình, màn hình nhập thuế hiện ra, kế toán nhập: ngày CT, số serial, số hoá đơn, thuế suất thuế VAT, TK Có, TK Nợ...Nhập xong ấn F10 để lưu chứng từ.

Biểu số 2.31:

TẬP ĐOÀN CN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội Mã số thuế: 5700100256	<b>HOÁ ĐƠN (GTGT)</b> Liên 3: Thanh toán nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Mẫu số: 01 GTKT-3LL Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC Ngày 13/3/2006 của Cục thuế TP Hà Nội Ký hiệu: AA/2007T Số: <b>0 2 3 4 7 4 0</b>			
<b>TKV</b>					
Đơn vị bán hàng:	CN CTY CP ĐTTM VÀ DV-TKV-XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI Số 4 Cù Chính Lan – Hải Phòng MST: 0 2 0 0 1 7 0 6 5 8 0 0 1	.....			
Địa chỉ: .....		.....Số tài khoản:.....			
Điện thoại: .....		.....MST:.....			
Họ tên người mua: Nguyễn Anh Hào.....					
Tên đơn vị: .....					
Địa chỉ: 109 Trường Chinh - Kiến An - HP Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:....TM..... MST: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bán sắt phế liệu thu hồi	Kg	7.830	2.381	18.643.230
Cộng tiền hàng					18.643.230
Thuế suất GTGT: 10% x 50 %			Tiền thuế GTGT:		931.770
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>19.575.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp năm 2009)

**Giao diện nhập Hoá đơn GTGT trên máy được phản ánh như sau:**



Sau khi ấn F10, máy sẽ tự động chuyển số liệu vào Sổ chi tiết TK 711 (*Biểu số 2.32*), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 711) (*Biểu 2.33*), Sổ cái TK 711 (*Biểu số 2.34*),...

Sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển thu nhập khác sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

***Biểu số 2.32:***

CN CTY CP ĐTTM&amp;DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	32.851.136
Phát sinh có	32.851.136
Dư nợ cuối ngày	0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
09/12	0234399	Thu tiền bồi thường bảo hiểm (Thu > Chi) (Chi nhánh bảo hiểm AAA)	1312		9.540.000
31/12	01ĐC	HT tiền cước vận chuyển than Cty Vinh Chung	3312		180
31/12	0234589	Bán sắt phế liệu thu hồi	1312		18.643.230
31/12	0234596	HT thu bồi thường hao hụt vận chuyển than XK	1388		4.667.726
31/12	155	KC Doanh thu hoạt động khác 711 - --> 911K	911K	32.851.136	

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Để xem Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 711), từ màn hình giao diện chính của CADS 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo” chọn tiếp “Báo cáo Nhật ký chứng từ”, sau đó kích chuột vào mục “Nhật ký chứng từ số 10”, sẽ xuất hiện hộp thoại màn hình sẽ xuất hiện hộp thoại, nhập tên TK (711), nhập ngày tháng năm cần xem (ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Nhật ký chứng từ số 10 ghi có TK 711 (*Biểu số 2.33*), ấn phím F7 để in.

Biểu số 2.33:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10**

Ghi có TK: 711 – Thu nhập khác

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Ngày	Cộng Ps Nợ	TK Có 911	Cộng Ps Có	TK Nợ 131	TK Nợ 138	TK Nợ 331
09/12			9.540.000	9.540.000		
31/12	1.376.790.427	4.667.726	1.372.122.701	1.376.790.427	4.667.726	1.376.790.427
<b>Cộng</b>	<b>1.376.790.427</b>	<b>4.667.726</b>	<b>1.372.122.701</b>	<b>1.376.790.427</b>		<b>1.376.790.427</b>

Ngày .... tháng .... năm ....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Biểu số 2.34:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI  
Số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng – Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 711**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
Dư đầu										
Tổng ps	32.851.136	32.851.136					32.851.136	32.851.136	3.249.176.431	3.249.176.431
Dư cuối										
1111										4.998.847
1311										613
1312		28.183.230						28.183.230		3.227.505.849
1388		4.667.7260						4.667.7260		16.670.942
3312		180						180		180
911K	32.851.136						32.851.136		3.249.176.431	

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải - năm 2009)

• Chi phí khác:

Ngày 31/12/2009, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải bồi thường hao hụt do vận chuyển than xuất khẩu tháng 11/2009 cho Công ty Kho Vận và Cảng Cẩm Phả - TKV (theo Hoá đơn GTGT số 0109172) với số tiền 4.667.726 đồng, thuế GTGT 5%.

Biểu số 2.35:

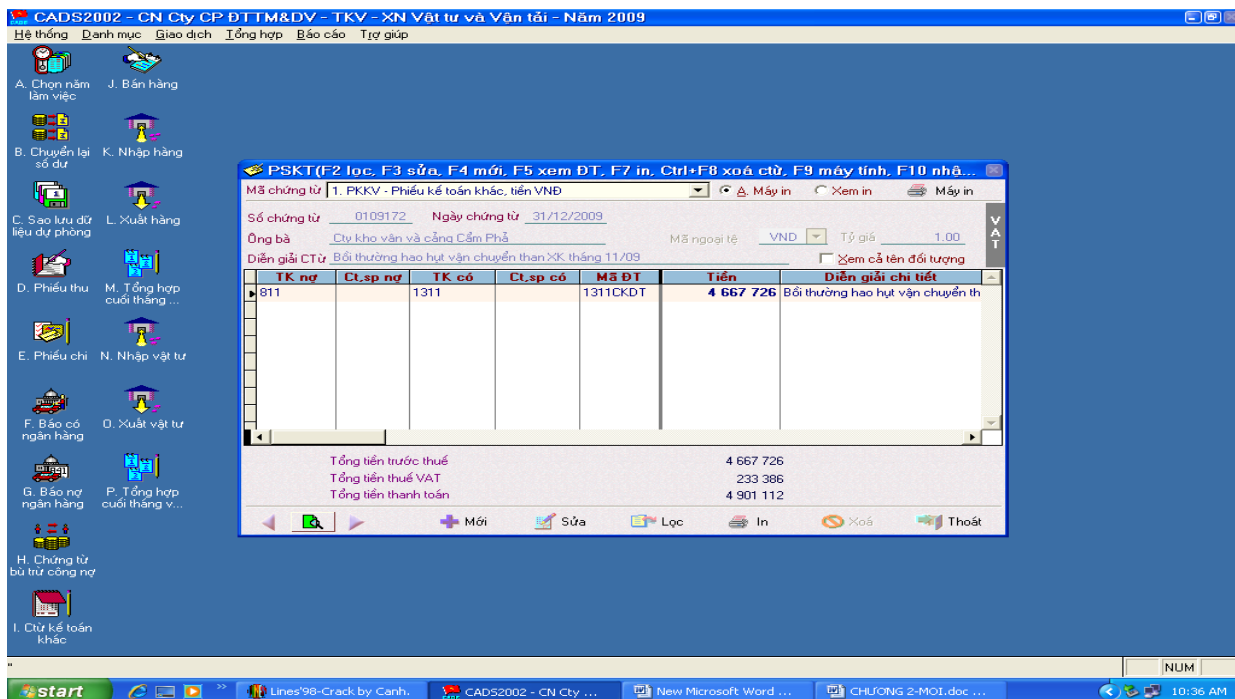
TẬP ĐOÀN CN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội Mã số thuế: 5700100256		<b>HOÁ ĐƠN (GTGT)</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2009		Mẫu số: 01 GTKT-3LL Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC Ngày 13/3/2006 của Cục thuế TP Hà Nội Ký hiệu: AA/2006T Số: 0109172	
<b>TKV</b>					
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - TKV Cửa Ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh MST: 5700100256001 - 1			Số tài khoản:	102 010 000 224 082
Địa chỉ: .....				MST: .....	
Điện thoại: .....				MST: .....	
Họ tên người mua: Phạm Đức Anh Tên đơn vị: CN Công ty CP ĐT TM và DV – TKV – Xí nghiệp Vật tư và Vận tải Địa chỉ: Số 4 – Cù Chính Lan – Hải Phòng      Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán:....CK..... MST: .....02 001 70 658 001.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bồi thường hao hụt do vận chuyển than XK T.11/2009				4.667.726
Cộng tiền hàng					4.667.726
Thuế suất GTGT: 10% x 50 %		Tiền thuế GTGT:		233.386	
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					4.901.112
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu chín trăm linh một nghìn một trăm mười hai đồng./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp năm 2009)

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0109172, kế toán tiến hành nhập liệu trên máy vi tính. Từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CADS 2002 / “Giao dịch” / “Chứng từ kế toán” / “Chứng từ kế toán khác”. Màn hình hiện lên “Phiếu kế toán khác. Thao tác tiếp theo tương tự như đối với kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Xong ấn F10 để lưu.



Màn hình giao diện nhập Hoá đơn GTGT thể hiện như sau:



Sau đó, máy sẽ tự động chuyển các số liệu vào các sổ kế toán liên quan đã cài đặt: Sổ chi tiết TK 811 (Biểu số 2.36), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có TK 811) (Biểu số 2.37), Sổ cái TK 811 (Biểu số 2.38),...

Biểu số 2.36:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	1.376.790.427
Phát sinh có	1.376.790.427
Dư nợ cuối ngày	0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/12	0109172	Bồi thường hao hụt vận chuyển than XK tháng 11/2009 (Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả)	1311	4.667.726	
31/12	157	KC chi phí hoạt động khác 811 --> 911K	911K		1.376.790.427
31/12	DCTSCDLĐ	Điều chỉnh theo kiểm toán TSCĐ liên doanh CL giá đánh giá lại với GTCL	222	1.372.122.701	

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Để xem Bảng kê chứng từ, từ màn hình giao diện CADs 2002 kế toán chọn mục “Báo cáo”, chọn tiếp mục “Báo cáo quản trị chung” xuất hiện hộp thoại, kích vào mục “Bảng kê chứng từ một tài khoản”, rồi nhập tên TK (811), tháng năm cần xem (Ví dụ xem từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009) sau đó chọn “nhận”, xuất hiện Bảng kê chứng từ TK 811. Ấn phím F7 để in ra Bảng kê chứng từ TK 811.

Biểu số 2.37:

CN CTY CP ĐTTM&DV – TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Tháng 12 năm 2009

Phát sinh nợ **1.376.790.427**

Phát sinh có **1.376.790.427**

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS nợ	PS có
<b>Phải thu của KH nội bộ TVN (1311)</b>					
31/12	0109172	Công ty Kho Vận & Cảng Cẩm Phả - TKV (Bồi thường hao hụt vận chuyển than XK tháng 11/09)	1311	4.667.726	
				<b>4.667.726</b>	
<b>Góp vốn liên doanh (222)</b>					
31/12	DCTSCDLLD	Điều chỉnh theo kiểm toán TSCĐ liên doanh CL giá đánh giá lại với GTCL	222	1.372.122.701	
				<b>1.372.122.701</b>	
<b>Xác định kết quả kinh doanh (911K)</b>					
31/12	157	KC Chi phí HĐ khác 811 → 911K	911K		1.376.790.427
					<b>1.376.790.427</b>

Ngày...tháng ...năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp – Năm 2009)

Để xem Sổ cái TK 811, trên thanh menu chính của màn hình CADs 2002 kế toán chọn “Báo cáo”/ “Báo cáo tài chính”/ “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu tài khoản (TK 811), chọn quý năm cần xem (ví dụ xem quý 4 năm 2009), xong nhấn “nhận”, xuất hiện Sổ cái TK 811. Để in sổ cái TK 811 (Biểu số 2.38) nhấn phím F7.

*Biểu số 2.38:*

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 811**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Luỹ kế Ps Nợ	Luỹ kế Ps Có
Dư đầu										
<b>Tổng ps</b>	<b>1.377.244.869</b>	<b>1.377.244.869</b>			<b>454.441</b>	<b>454.441</b>	<b>1.376.790.427</b>	<b>1.376.790.427</b>	<b>2.541.295.195</b>	<b>2.541.295.195</b>
Dư cuối										
1111									6.411.000	
1311	4.667.727						4.667.726		18.863.920	
....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....
222	1.372.122.701						1.372.122.701		1.372.122.701	
3331	454.441								454.441	
911K		1.377.244.869				454.441		1.376.790.427		2.496.265.195

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kế toán trưởng**

*(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)*

Cuối kỳ sau khi kiểm tra tính khớp đúng của các sổ, kế toán kết chuyển chi phí khác sang 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

• **Tài khoản sử dụng:**

Để xác định kết quả kinh doanh, Xí nghiệp sử dụng tài khoản:

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; để thuận lợi cho Xí nghiệp trong việc theo dõi từng hoạt động riêng lẻ Xí nghiệp sử dụng TK cấp 2 như sau:

- + TK 9111 “xác định kết quả hàng hoá”
- + TK 9112 “xác định kết quả vận tải bộ”
- + TK 9113 “xác định kết quả vận tải thủy”
- + TK 9114 “xác định kết quả sửa chữa thủy”
- + TK 9115 “xác định kết quả cầu cảng kho bãi”
- + TK 9116 “xác định kết quả tiếp nhận”
- + TK 9117 “xác định kết quả bốc xúc”
- + TK 9118 “xác định kết quả BHLĐ”
- + TK 911C “xác định kết quả hoạt động tài chính”
- + TK 911K “xác định kết quả hoạt động khác”
- + TK 911N “xác định kết quả nội bộ”.

- TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”.

• **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:**

Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ được xác định như sau:

$$\begin{matrix} \text{LN} & & \text{DT thuần về} & & \text{DT hoạt} & & & & & & \\ \text{thuần từ} & = & \text{BH và cung} & - & \text{GVHB} & + & \text{động tài} & - & \text{Chi phí} & - & \text{CPBH} & - & \text{CPQLDN} \\ \text{HĐKD} & & \text{cấp DV} & & \text{chính} & & \text{chính} & & & & & & \end{matrix}$$

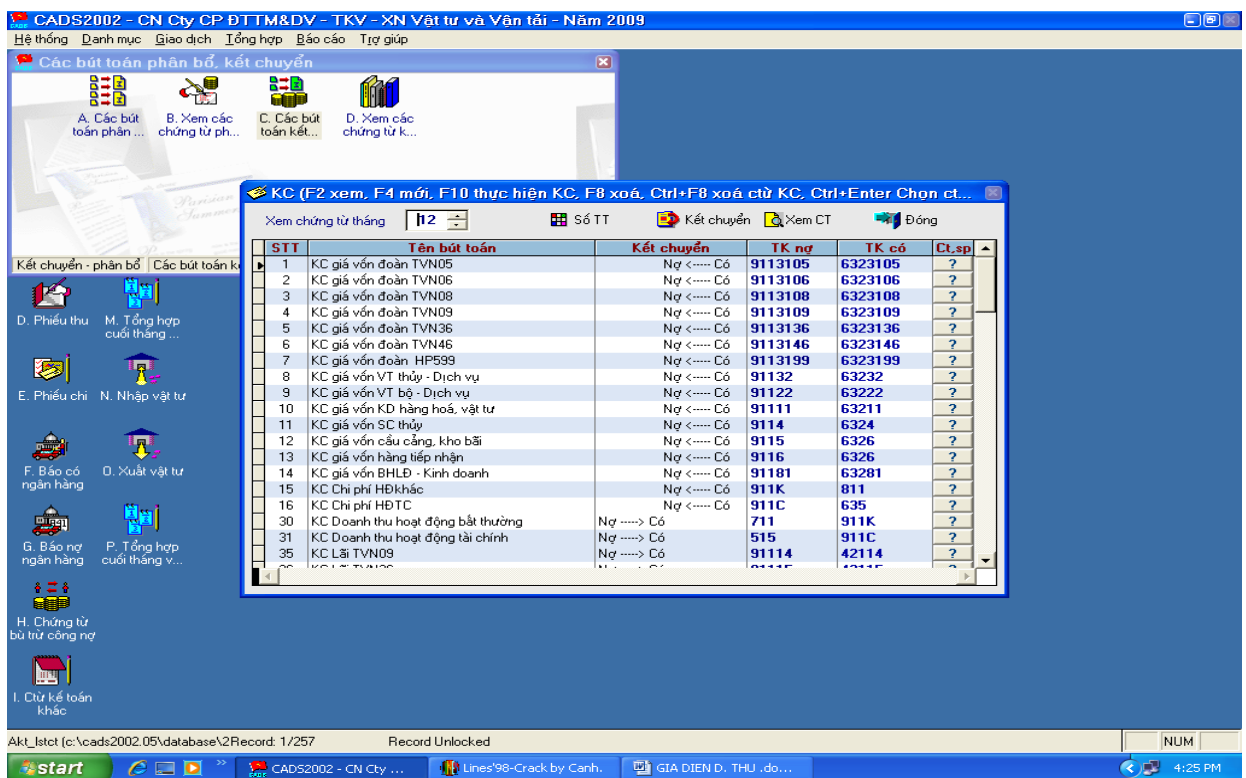
Trình tự xác định kết quả kinh doanh của Xí nghiệp được thể hiện qua sơ đồ sau:  
 Chứng từ sử dụng: Sổ cái TK 511, TK 512, TK 515, TK 632, TK 635, TK 711, TK 811, TK 641, TK 642...

Cuối kỳ, kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động trên máy. Thao tác thực hiện trên máy như sau:

Trên màn hình giao diện chính CADS 2002, kế toán chọn mục “Tổng hợp” rồi chọn mục “Các bút toán kết chuyển”. Sau giây lát xuất hiện màn hình hộp thoại thể hiện các bút toán kết chuyển, sau đó chọn tháng cần kết chuyển (ví dụ tháng 12). Chọn bút toán cần kết chuyển (ví dụ: cần kết chuyển giá vốn hàng hoá vật tư thì chọn bút toán kết chuyển giá vốn hàng hoá vật tư). Sau đó ấn phím F10, số liệu

sẽ được tự động kết chuyển vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.40). Thực hiện các thao tác tương tự như vậy đối với các bút toán kết chuyển khác.

### Màn hình giao diện thể hiện các bút toán kết chuyển



Để xem Sổ cái TK 911, trên menu trên màn hình chính kế toán chọn “Báo cáo”, vào “Báo cáo tài chính”, sau đó chọn “Sổ cái tài khoản in theo quý hoặc năm” rồi nhấn “nhận”, hộp thoại xuất hiện kế toán nhập số hiệu tài khoản (ví dụ TK 911), chọn quý năm cần xem (ví dụ cần xem quý 4 năm 2009), xong nhấn “nhận”, xuất hiện Sổ cái TK 911. Để in sổ cái TK 911 (*Biểu số 2.39*) nhấn phím F7.

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải không sử dụng TK 821- Chi phí thuế TNDN. Bởi vì: Xí nghiệp là một đơn vị phụ thuộc Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV (Doanh nghiệp Cổ phần Nhà nước) nên cuối năm tài chính Xí nghiệp phải nộp lãi về Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV sẽ thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN với Nhà nước.

Để in ra Sổ cái TK 421 (*Biểu số 2.40*) thực hiện các thao tác tương tự như đối với Sổ cái TK 911.

Biểu số 2.39:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 911**

QUÝ: 4 NĂM: 2009

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Luỹ kế Ps Nợ	Luỹ kế Ps Có
Dư đầu										
Tổng ps	86.709.485.823	86.709.485.823	23.648.542.466	23.648.542.466	27.977.941.636	27.977.941.636	35.063.001.721	35.063.001.721	304.717.866.782	304.717.866.782
Dư cuối										
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
421211	533.104.990	225.422.590	372.135.287		160.969.703			225.422.590	983.957.194	420.061.097
...	...	...	...							
5111		18.689.821.966		6.130.430.840		5.089.358.634		7.470.032.492		39.356.233.055
...	...	...								
5123		106.976.652		21.012.723		65.626.013		20.337.916		621.827.429
...	...	...								
515		80.068.206		30.141.235		26.789.295		23.137.676		208.758.793
63211	17.206.347.770		5.590.233.917		4.713.384.185		6.902.729.668		35.954.964.418	
...	...	...								
635	321.343.314	321.343.314	62.258.267	62.258.267	120.017.350	120.017.350	139.067.697	139.067.697	1.030.712.236	1.030.712.236
6411	979.492.004		168.061.636		215.004.746		596.425.622		2.627.920.076	
...	...	...	...							
642	5.616.840.833	5.616.840.833	687.287.757	687.287.757	544.230.319	544.230.319	4.385.322.757	4.385.322.757	12.978.894.994	12.978.894.994
711		32.851.136					32.851.136			3.249.176.431
811	1.377.244.869				454.441		1.376.790.427		2.496.265.195	

Ngày ...tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

Biểu số 2.40:

CN CTY CPĐTTM&DV – TKV – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 421**

**QUÝ: 4      NĂM: 2009**

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ Tháng 10	Ps Có Tháng 10	Ps Nợ Tháng 11	Ps Có Tháng 11	Ps Nợ Tháng 12	Ps Có Tháng 12	Luỹ kế Ps Nợ	Luỹ kế Ps Có
Dư đầu		3.579.882.520		3.579.882.520		3.071.748.410		4.780.952.822		
Tổng ps	10.753.568.836	7.173.686.316	965.316.330	457.182.220	435.642.386	2.144.846.798	9.352.610.120	4.571.657.298	19.343.679.766	19.343.679.766
Dư cuối										
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
9111	225.422.590	533.104.990		372.135.287		160.969.703	225.422.590		420.061.097	983.957.194
91121									290.714.288	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
911C	241.275.108		32.117.032		93.228.055		115.930.021		821.953.443	
911K	1.344.393.733		1		451.441		1.343.939.291		1.395.592.848	2.148.504.084
911N2									357.454.469	357.454.469
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

---

---

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV - XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI****3.1 Một số nhận xét, đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoạt động bán hàng diễn ra thường xuyên và liên tục làm nảy sinh các mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, người lao động, giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư và với Nhà nước. Những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò và tác dụng rất lớn đến các mối quan hệ này. Chính vì vậy mà kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp Ban Giám đốc trong việc điều hành quản lý các hoạt động của kinh tế bằng cách cung cấp chính xác kịp thời và đầy đủ các số liệu về kinh tế, phân tích chứng để các nhà quản lý có được một cách đánh giá đúng đắn những thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục kịp thời những tồn tại và phát huy những ưu điểm, tiềm năng chưa được khai thác từ đó đề ra phương hướng quyết định sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

Xuất phát từ nhận thức đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã xây dựng một mô hình gọn nhẹ, kế hoạch hiệu quả và đã có những đổi mới trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp. Chính vì vậy, trong những năm gần đây tuy Xí nghiệp gặp nhiều khó khăn do sản phẩm, hàng hoá chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường song Xí nghiệp Vật tư và Vận tải vẫn đứng vững trên thị trường, làm ăn có lãi và giữ được uy tín của mình. Có thể nói đến nay, Xí nghiệp đã không ngừng khẳng định cho mình một chỗ đứng quan trọng trên thị trường. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Xí nghiệp đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, cơ sở vật chất không ngừng được nâng cao, trình độ quản lý từng bước được hoàn thiện.



Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải em thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có những ưu điểm sau:

### **3.1.1 Ưu điểm.**

- *Về hình thức kế toán sử dụng:*

Qua thực tế của Xí nghiệp cho thấy Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ là phù hợp với quy mô, đặc điểm và điều kiện hiện tại của Xí nghiệp.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là rất hợp lý. Vì vậy công việc ghi chép được chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, nhanh chóng kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Về hình thức tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán:*

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với Xí nghiệp, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên.

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải được tổ chức quy củ, có kế hoạch sản xuất chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ các công tác quản lý. Các nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt công việc được giao, làm việc có khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

Các phần việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng kế toán viên trong phòng và phù hợp với năng lực, trình độ của mỗi người. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau, đảm bảo tính thống nhất trong phạm vi ghi chép. Từ đó tạo điều kiện cho các bộ phận phối hợp với nhau để xử lý các nghiệp vụ phát sinh một cách nhanh chóng, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu dễ dàng, phát hiện sai sót để sửa chữa kịp thời, đảm bảo cung cấp thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của Xí nghiệp.

- *Về chứng từ kế toán:*

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Những thông tin về nghiệp vụ kế toán phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ ký của các bên liên quan sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ mới được sử dụng để vào sổ kế toán máy.

Sau khi hạch toán, các chứng từ được lưu trữ bảo quản cẩn thận từng bộ theo trình tự thời gian, kế toán phần hành nào thì lưu giữ phần hành đó, không chồng chéo lên nhau tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra và đối chiếu khi cần thiết.

- *Về hệ thống tài khoản:*

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải cũng như tài khoản sử dụng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.

- *Về ứng dụng khoa học công nghệ:*

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã được trang bị dàn máy vi tính hiện đại đồng thời mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy CADS 2002 của Công ty ứng dụng và phát triển phần mềm tin học CADS. Sự hỗ trợ của phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại Xí nghiệp nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.

- *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác các thay đổi mới về chế độ, chuyên mục kế toán. Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp Xí nghiệp tiến hành công tác kiểm tra một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có. Ngoài ra Xí nghiệp tiến hành mở thêm các tài khoản cấp 2, cấp 3 để thuận tiện cho việc theo dõi và đánh giá từng hoạt động riêng lẻ của Xí nghiệp.

---

---

*- Về công tác kế toán doanh thu:*

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc hạch toán doanh thu được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp.

*- Về tổ chức kế toán chi phí:*

Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng hoá, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính.

*- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Xí nghiệp tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng quý, việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển Xí nghiệp, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn, kịp thời.

### **3.1.2 Những hạn chế còn tồn tại.**

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nói riêng thì Xí nghiệp Vật tư và Vận tải không tránh khỏi một số mặt tồn tại cần khắc phục:

#### **3.1.2.1 Tồn tại 1- Về quản lý công nợ:**

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải không trích lập dự phòng phải thu khó đòi và cũng không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Đây là một hạn chế đối với Xí nghiệp. Bởi là một doanh nghiệp thương mại thì quy mô các khoản phải thu khách hàng là rất lớn (Năm 2009, số phải thu của khách hàng bình quân tháng là 25.168.898.503 VNĐ), khách hàng của Xí nghiệp là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn rất chậm. Điều đó làm cho vốn kinh doanh của Xí nghiệp dễ bị chiếm dụng vốn và bị ứ đọng vốn dẫn đến vòng vốn quay chậm trong khâu thanh toán. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của Xí nghiệp đang trong quá trình thanh toán. Vậy mà Xí nghiệp chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng cho số khách hàng

khó đòi nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy Xí nghiệp chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch hiệu quả kinh doanh của kỳ đó.

### *3.1.2.2 Tồn tại 2- Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá.*

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn là một bất lợi. Bởi việc không áp dụng chiết khấu thương mại không khuyến khích được khách hàng mua hàng với số lượng lớn và sẽ khó giữ chân những khách hàng lâu năm và khó thu hút những khách hàng mới có tiềm năng, từ đó sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của Xí nghiệp, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### *3.1.2.3 Tồn tại 3- Về phần mềm kế toán CADS 2002:*

Bên cạnh những tiện ích thiết thực đem lại của việc sử dụng phần mềm kế toán CADS 2002 trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Phần mềm kế toán CADS 2002 mà Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đang sử dụng được lập trình và thiết kế khá lâu nên phần mềm kế toán này có những hạn chế nhất định. Như đã trình bày ở chương 2 thì hệ thống sổ sách của phần mềm kế toán CADS 2002 thiết kế bị lỗi, cụ thể như sau:

- Đối với Sổ chi tiết tài khoản: không ghi chi tiết doanh thu, giá vốn đến từng loại hàng hoá, dịch vụ. Do đó yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý không đáp ứng được. Cụ thể:

+ Việc Sổ chi tiết khoản không ghi chi tiết doanh thu đến từng loại hàng hoá, dịch vụ, điều này gây khó khăn cho việc theo dõi, quản lý chi tiết từng loại hàng hoá bán ra, khó kiểm tra chi tiết từng mặt hàng hoá, dịch vụ được tiêu thụ ra sao. Do đó, các nhà quản lý khó khăn trong việc đánh giá đúng đắn tình hình kinh doanh của từng loại hàng hoá, dịch vụ. Từ đó, các nhà quản lý khó đưa ra quyết định sản xuất kinh doanh cho phù hợp với từng mặt hàng và các chiến lược tiêu thụ như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác.

+ Việc Sổ chi tiết không ghi chi tiết đến từng loại hàng hoá, dịch vụ gây khó khăn cho việc so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán của Xí nghiệp. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn hàng hoá bán ra thì Xí nghiệp mới kiểm tra được hiệu quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào, để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả tạo sức cạnh tranh trên thị trường của Xí nghiệp.

- Đối với Bảng kê: chỉ sử dụng và in ra được Bảng kê số 1, số 2 (ghi Nợ TK 111, TK 112). Các bảng kê khác bị lỗi không sử dụng được và được thay bằng Bảng kê chứng từ.

- Đối với Nhật ký chứng từ: chỉ sử dụng và in ra được Nhật ký chứng từ số 1, số 2 (ghi có TK 111, 112), Nhật ký chứng từ số 10 (ghi có các TK 136, 138,...). Do đó việc ghi có các tài khoản khác (ví dụ ghi có TK 511, 512, 515, 711,...) đều được phần mềm CADS 2002 phản ánh vào Nhật ký chứng từ số 10.

- Đối với Sổ cái: mẫu Sổ cái (dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ) chưa đúng với quy định chung của Bộ tài chính (Quyết định số 15/2006 ban hành ngày 20/03/06), hơn nữa mẫu Sổ cái Xí nghiệp đang sử dụng được thiết kế và bố trí chưa được khoa học: bảng quá nhiều cột, dòng cộng phát sinh Nợ, cộng phát sinh Có, số dư cuối tháng được thiết kế ở phía trên của bảng biểu. Điều này làm rối mắt, khó cho việc theo dõi và mất thời gian cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu trong cùng một sổ và giữa các sổ kế toán với nhau khi cần thiết.

Như vậy việc sử dụng phần mềm kế toán CADS 2002 bị lỗi về hệ thống sổ sách khiến cho sổ sách Xí nghiệp chưa đúng với quyết định số 15/ 2006 của BTC và khiến việc kiểm tra đối chiếu khó khăn, phát hiện sai sót để sửa chữa không được kịp thời, từ đó dẫn đến khó đảm bảo cho việc cung cấp thông tin cho việc quản lý, đánh giá hoạt động kinh doanh một cách chính xác, mau lẹ.

### **3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

#### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.**

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của doanh nghiệp sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

### ***3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Qua phần nhận xét trên ta thấy sơ bộ thực trạng công tác quản lý, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh những mặt tích cực còn có những mặt hạn chế. Vì vậy Xí nghiệp phải hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với chế độ kế toán.

- Mặc khác, việc hoàn thiện kế toán nghiệp vụ bán hàng và thanh toán tiền hàng phải tính đến xu thế của nó trong tương lai. Điều này thực hiện việc hoàn thiện không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành mà phải xem xét hoàn thiện sao cho kịp với chuẩn mực kế toán mới.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

- Hoàn thiện công tác kế toán trên ngoài hiệu quả đem lại đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nó còn góp phần hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Xí nghiệp, giúp cho nhà quản lý có thể lãnh đạo hoạt động kinh doanh tốt hơn.

- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Xí nghiệp.

### ***3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.***

Mục tiêu hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì thực hiện tốt khâu bán hàng là rất quan trọng. Nó không những góp phần tạo doanh thu cho Xí nghiệp mà còn khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

Qua quá trình thực tập tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải, trên cơ sở tìm hiểu, vận dụng lý thuyết vào thực tế tại Xí nghiệp, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả của Xí nghiệp còn có những hạn chế mà nếu được

khắc phục thì phần hành kế toán này của Xí nghiệp sẽ được hoàn thiện và có hiệu quả cao hơn.

Dưới góc độ là một sinh viên, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán tại Xí nghiệp. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hi vọng sẽ góp phần vào việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải và giúp công tác kế toán của Xí nghiệp phù hợp với chế độ quy định.

### *3.2.3.1 Ý kiến thứ 1- Hoàn thiện công tác quản lý công nợ.*

❖ Thực hiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi thì việc lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết. Vì hoạt động của Xí nghiệp là hoạt động thương mại, hơn nữa khách hàng của Xí nghiệp là khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán chậm nên khoản phải thu khách hàng của Xí nghiệp là khá cao. Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra nếu không lập dự phòng Xí nghiệp sẽ không có gì để bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào, đặc biệt là doanh nghiệp thương mại nơi mà nguồn vốn kinh doanh nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

Do vậy, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, đảm bảo ổn định và chủ động về tài chính thì việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết và thiết thực.

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi của Xí nghiệp nên dựa vào thông tư số 13/2006/TT – BTC hướng dẫn về việc lập dự phòng như sau:

Cuối mỗi niên độ kế toán trước khi lập các báo cáo tài chính kế toán phải tính số nợ có khả năng khó đòi dựa vào kinh nghiệm, tình hình kinh thực tế của khách hàng, dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ để lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi kèm theo các chứng cứ, bằng chứng chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố,... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.



- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến < 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến < 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến < 3 năm.

*(Thông tư TT13/2006 – BTC, ngày 27/02/2006).*

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được từng đối tượng theo từng nội dung, từng khoản nợ trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Xí nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa đòi được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách hàng đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Để phản ánh dự phòng phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản phải thu được xác định là không chắc chắn thu hồi được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139: tính vào nguồn dự phòng (nếu có)

Nợ TK 642: tính vào chi phí QLDN (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131, 138: số nợ khó đòi đã xoá sổ.

Đồng thời ghi vào Bên nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Nợ TK 004) để theo dõi thu hồi nợ khách hàng có điều kiện trả nợ. Vì theo chế độ tài chính hiện

hành kế toán phải theo dõi khoản nợ phải thu khó đòi đã xoá sổ trên TK 004 trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ ngày xoá sổ và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ.

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ nay thu hồi được, căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: số thu hồi được

Có TK 711: ghi tăng thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Bên có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Có TK 004 - Số thu hồi được).

❖ **Áp dụng chiết khấu thanh toán:**

Ngoài việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Xí nghiệp cũng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán .

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá dịch vụ là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do thanh toán trước hạn theo thoả thuận khi mua hoặc bán để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh.

Tùy vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà Xí nghiệp có thể đưa ra các tỉ lệ phần trăm chiết khấu phù hợp.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, Xí nghiệp cần phản ánh chiết khấu thanh toán vào TK 635 – Chi phí tài chính như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (Chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112:

Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (Chiết khấu thanh toán cho khách hàng).

❖ **Một số biện pháp khác:**

Ngoài các biện pháp trên, để giúp Xí nghiệp có thể nhanh chóng thu hồi các khoản nợ phải thu, hạn chế việc phát sinh các khoản chi phí không cần thiết và rủi ro trong kinh doanh, Xí nghiệp nên:

- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng mua bán, nếu vượt quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng thì khách hàng sẽ phải chịu lãi suất (chậm trả) theo tỷ lệ lãi vay quy định tại thời điểm của Ngân hàng.

- Yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn đặt hàng.

### *3.2.3.2 Ý kiến thứ 2- Hoàn thiện chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá.*

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ chân được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Xí nghiệp nên có chính sách khuyến khích người mua với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về Chiết khấu thương mại đã ghi trên hoá đơn kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Xí nghiệp có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

Đối với khách hàng thường xuyên kí hợp đồng có giá trị lớn với Xí nghiệp, Xí nghiệp có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ giá phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

Đối với khách hàng mới - lần đầu mua hàng của Xí nghiệp nhưng mua hàng với khối lượng lớn, Xí nghiệp có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng tiếp tục mua hàng của Xí nghiệp với số lượng lớn và trở thành khách hàng thường xuyên, lâu dài của Xí nghiệp, tạo ra thế cạnh tranh với doanh nghiệp kinh doanh khác trên thị trường.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, Xí nghiệp sử dụng TK 521- Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hợp đồng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hợp đồng là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu

thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521- Chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán như sau:

1. Phản ánh số Chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 111, 112, 331,...

2. Cuối kỳ, kết chuyển khoản chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho khách hàng phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại.

### 3.2.3.3 Ý kiến thứ 3- Hoàn thiện phần mềm kế toán CADS 2002:

Như đã trình bày ở trên, hệ thống sổ sách của phần mềm kế toán CADS 2002 mà Xí nghiệp đang sử dụng bị lỗi, mẫu sổ sách chưa đầy đủ, chưa đúng với quy định chung của Bộ Tài chính (QĐ 15/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 20/03/06). Mẫu sổ cái Xí nghiệp đang sử dụng được thiết kế cũng chưa phù hợp và khoa học khiến cho gây khó khăn và mất thời gian cho việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu sổ sách và công tác quản lý. Do đó Xí nghiệp cần xem xét:

❖ **Phương án 1:** Xí nghiệp có thể thuê các chuyên gia nâng cấp phần mềm kế toán CADS 2002 để phần mềm này được tốt hơn, hiệu quả hơn nhất là phần hệ thống sổ sách. Điều đó giúp hệ thống sổ sách của Xí nghiệp được hoàn thiện, đầy đủ và đúng với các mẫu sổ được ban hành theo Quyết định số 15/2006 – QĐ/BTC của Bộ Tài chính và cũng tạo cho việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, giữa các sổ với chứng từ kế toán khi cần thiết được nhanh chóng, dễ dàng hơn. Hệ thống sổ sách sẽ được thiết lập một cách khoa học hơn, đầy đủ và phù hợp hơn.

Việc nâng cấp phần mềm kế toán của Xí nghiệp phải theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài chính (ký ngày 24/11/2005) về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn phần mềm và điều kiện của phần mềm kế toán”. Ngoài ra, phần mềm kế toán được nâng cấp cần phải khắc phục được hạn chế của phần mềm kế toán đang sử dụng, cụ thể:

Việc thiết kế Nhật ký – chứng từ và Bảng kê: có đủ 10 Nhật ký chứng từ được đánh số từ Nhật ký chứng từ số 1 đến Nhật ký chứng từ số 10 để đảm bảo việc phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo vé Có của các tài khoản. Về bảng kê: có đủ 10 bảng kê được đánh số thứ tự từ Bảng kê số 1 đến Bảng kê số 11 (không có Bảng kê số 7). Mẫu sổ cần được thiết kế theo đúng mẫu quy định chung của Bộ Tài chính và có thể in ra được khi cần thiết.

Mẫu Sổ cái cho hình thức Nhật ký - Chứng từ nên được thiết kế theo quy định chung của Bộ tài chính vì: Mẫu sổ cái này giúp kế toán dễ dàng kiểm tra, đối chiếu các số liệu, từ đó phát hiện được các sai sót để bổ sung, sửa chữa kịp thời.

Dưới đây là mẫu Sổ cái theo quy định chung của Bộ Tài chính (*Biểu số 3.1*):

❖ **Phương án 2:** Xí nghiệp có thể thay thế phần mềm kế toán CADS 2002 đang sử dụng bằng phần mềm kế toán CADS mới hoặc đi mua phần mềm kế toán khác thông dụng hơn của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như: BRAVO, MISA, , FAST, SASINOVA, ACMAN,...

Sau đây là một số phần mềm kế toán mà Xí nghiệp có thể xem xét lựa chọn phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và chi phí đầu tư của Công ty.

- Phần mềm Quản trị Tài chính Kế toán CADS Accounting.Net của Công ty CP ứng dụng và phát triển phần mềm tin học CADS.

Phần mềm này được thiết kế trên Công nghệ mới nhất của Microsoft phù hợp với những yêu cầu đổi mới, phù hợp với chế độ chính sách của Bộ tài chính ban hành và theo sát các bước phát triển của lĩnh vực công nghệ thông tin. CADS 2008 cập nhật đầy đủ các thông tư mới nhất của Bộ Tài chính và phù hợp với các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Với các công cụ tinh xảo về phát triển giao diện đồ họa, CADS Accounting.Net trở thành phần mềm dễ học, dễ sử dụng nhất hiện nay và có khả năng cung cấp phong phú các chức năng kế toán và báo cáo. Hơn thế nữa phần mềm CADS Accounting.Net đã được sử dụng và kiểm nghiệm tại hơn 1.000 doanh nghiệp trong vòng gần 10 năm qua cho thấy sự an toàn, tính ổn định và uy tín, chất lượng của sản phẩm.

Biểu số 3.1:

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tài khoản: .....

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
Cộng số phát sinh Nợ								
Tổng số phát sinh Có								
Số dư cuối tháng Nợ								
Có								

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Năm 2008, Công ty CADS đã đưa ra thị trường một phiên bản phần mềm quản trị Tài chính Kế toán mới nhất CADS Accounting.Net 2008 với rất nhiều tính năng mới. Trong phiên bản này đã được cập nhật Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006 dành cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính dành cho các doanh nghiệp lớn; Thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính thay đổi mẫu báo cáo thuế Giá trị gia tăng.

CADS Accounting.Net 2008 cho phép tự động kết xuất bảng kê thuế GTGT mua vào bán ra vào phần mềm hỗ trợ kê khai thuế mã vạch 2 chiều của Tổng cục Thuế. Với chức năng này người dùng không phải nhập lại chứng từ kê khai thuế vào trong phần mềm hỗ trợ kê khai, tiết kiệm được thời gian và công sức.

CADS Accounting.Net 2008 có tính năng mềm dẻo cao: Cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp. Nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp CADS Accounting.Net cho phép người dùng lựa chọn phần mềm theo mô hình từng ngành nghề sản xuất kinh doanh (Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Xuất nhập khẩu...); lựa chọn hình thức ghi sổ sách kế toán (Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ); Lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho (giá thực tế, giá trung bình, giá thực tế đích danh, giá nhập trước xuất trước (FIFO)...)

Trong phiên bản mới này cho phép người dùng theo dõi công nợ theo hạn thanh toán (tuổi nợ) của các khoản phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp. Người sử dụng có thể theo dõi ngày đến hạn thanh toán, ngày quá hạn thanh toán, lãi suất quá hạn, tuổi nợ  $\leq 30$  ngày,  $\leq 60$  ngày,  $\leq 12$  tháng. Theo dõi công nợ phải thu, phải trả theo từng hóa đơn,...

- Phần mềm kế toán BRAVO:



Được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam. Với phần mềm BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận kế toán, kinh doanh, vật tư, kho hàng,... được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào “1 công đoạn của 1 bộ phận” và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Phần mềm BRAVO giúp cho bộ phận kế toán quản lý dòng tiền, tài sản cố định – công cụ dụng cụ, quản lý nguồn vốn, quản lý công nợ, tính giá thành sản phẩm, hạch toán các nghiệp vụ kế toán theo chuẩn mực Nhà nước,... trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phần mềm cho phép truy cập từ báo cáo tổng hợp (Bảng cân đối phát sinh) đến báo cáo chi tiết (Sổ chi tiết tài khoản) hay từ hóa đơn truy xuất ngược lại chứng từ thanh toán,... Trên cơ sở đó cung cấp phản ánh đầy đủ tình hình tài chính một cách chính xác kịp thời cũng như đưa ra hệ thống báo cáo theo chuẩn mực Nhà nước phục vụ công tác kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp. Phần mềm này còn cho phép theo dõi phát sinh quá khứ: Theo dõi phát sinh trước khi sử dụng chương trình, lên báo cáo so sánh giữa các kỳ kế toán khác nhau (các kỳ trước và trong khi sử dụng chương trình).

Tiện ích của phần mềm BRAVO đối với bán hàng như sau:

- Cho phép theo dõi chi tiết kế hoạch giao, đặt hàng của khách hàng và tình hình doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng, khách hàng theo các vùng miền khác nhau. Từ kết quả đó có thể dễ dàng so sánh tình hình bán hàng, doanh thu giữa các mặt hàng, vùng miền, nhân viên kinh doanh cũng như so sách giữa kế hoạch và thực tế đã thực hiện.

- Quản lý đơn đặt hàng bán, theo dõi tiến trình thực hiện đơn hàng quản lý chi tiết hàng hóa bán ra, trả lại, chiết khấu, giá vốn, VAT,... Theo dõi chi tiết công nợ theo từng khách, hợp đồng, hóa đơn,... Theo dõi hạn thanh toán phải thu chi tiết cho từng hóa đơn, nhà cung cấp.

- Phần mềm kế toán Fast Accounting 2008.f (FA 2008.f) của Công ty CP Phần mềm Fast:



Đây là phần mềm phổ biến nhất đối với doanh nghiệp cũng như sinh viên chuyên ngành tài chính kế toán. FA 2008.f cập nhật các sửa đổi bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính: thông tư 60/2007/TT-BTC, thông tư 23/2005/TT-BTC, 88/2004/TT-BTC, thông tư 84/2004/TT-BTC,... Bổ sung mẫu sổ sách kế toán theo quyết định 15/2006 và quyết định 48/2006. FA 2008.f được viết bằng ngôn ngữ Foxpro và là sản phẩm mở, tức là có thể update, lập trình thêm các yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp.

FA 2008.f cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp: lựa chọn hình thức ghi chép sổ sách kế toán, lựa chọn phương pháp kiểm kê hàng tồn kho (theo kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ), lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho và tính tỷ giá ghi sổ, có các trường thông tin tự do để người dùng tự định nghĩa sử dụng để quản lý theo các yêu cầu đặc thù,...

FA 2008.f cho phép người sử dụng khi đang xem báo cáo tổng hợp chỉ bằng một phím có thể xem ngay số liệu chi tiết cấu thành và tiếp tục cũng chỉ bằng một phím là có thể xem tiếp đến chứng từ ban đầu. Kỹ thuật này rất thuận tiện cho cán bộ quản lý sử dụng chương trình khi xem số liệu báo cáo và tiện lợi cho kế toán viên và kế toán tổng hợp khi muốn kiểm tra và đối chiếu số liệu.

FA 2008.f tự động hóa xử lý số liệu: tự động gán giá bán tùy theo mặt hàng và khách hàng; tự động tập hợp số liệu và tạo các bút toán kết chuyển, phân bổ, tính toán chênh lệch tỷ giá cuối kỳ, tự động hạch toán các chứng từ nhập xuất kho,...

FA 2008.f cho phép quản lý số liệu liên năm. Người sử dụng có thể lên các báo cáo công nợ, các báo cáo liên quan đến các hợp đồng,... của nhiều năm mà không phải in riêng từng năm rồi sau đó ghép các báo cáo lại với nhau.

## **KẾT LUẬN**

Trên đây là toàn bộ nội dung của khoá luận tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong doanh nghiệp là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ...phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó trong quá trình thực tập tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp của mình. Khoá luận của em đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** đưa ra các vấn đề chung nhất về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- **Về mặt thực tiễn:** phản ánh khá đầy đủ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2009. Đồng thời khoá luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Mặc dù nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cô giáo - **Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương** và sự giúp đỡ của các cô chú phòng tài chính kế toán Xí

ngành Vật tư và Vận tải, song do trình độ, kinh nghiệm thực tế em còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng tài chính kế toán của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô đặc biệt là cô giáo - **Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương** cùng các cô chú phòng kế toán trong Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

*Hải Phòng ngày 25 tháng 6 năm 2010*

Sinh viên

***Nguyễn Thùy Dương***